

Trần-ngọc-Chụ — Nguyễn-quý-Bính — Hoàng-đình-Tuất

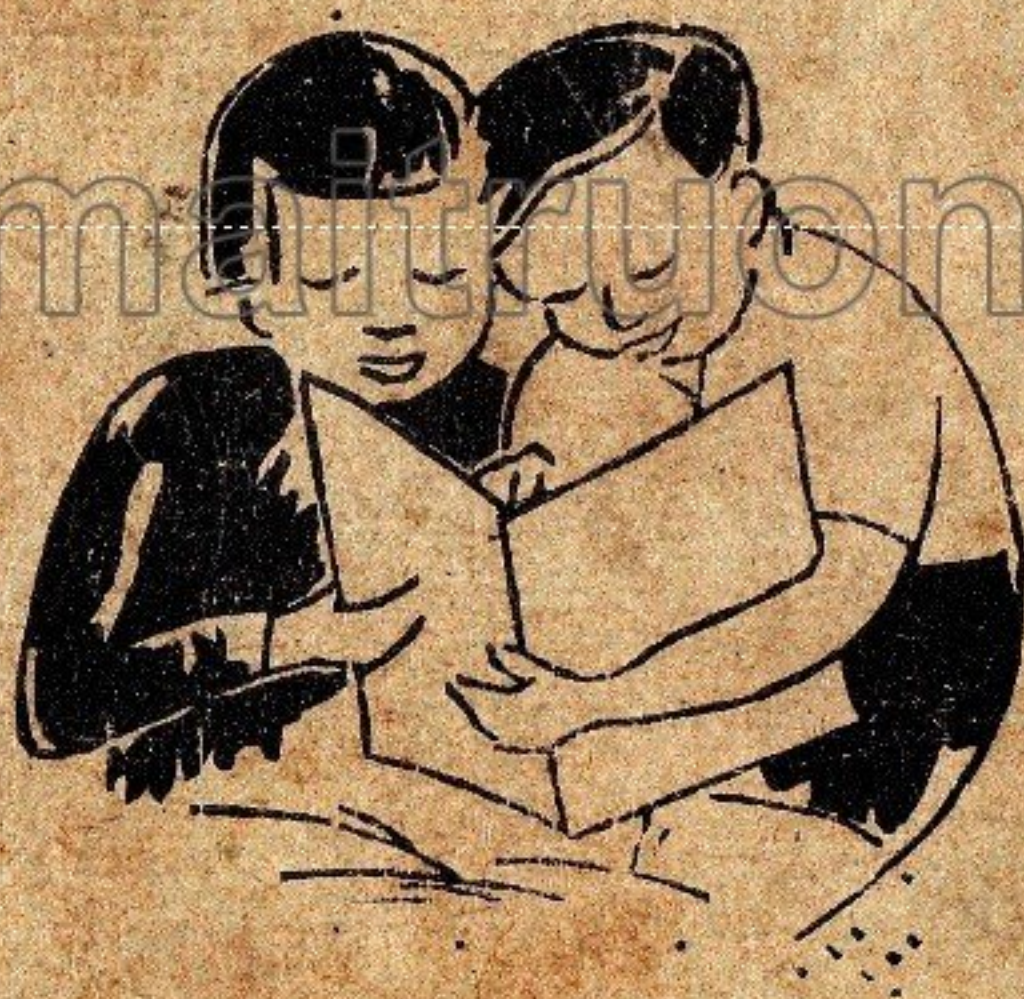
Giáo-học Trường Nguyễn-Công-Trứ

Hà - nội

TÂN QUỐC-VĂN

== LỚP TƯ ==

Quyển I



TẬP ĐỌC — HỌC THUỘC LÒNG. — CHÍNH TẢ
NGỮ VỰNG — TẬP LÀM VĂN — TẬP NÓI — GIẢI TRÍ

IN LẦN THỨ NHẤT

Nhà xuất bản NAM-SƠN 72, Hàng Giấy

Hà-nội

Sauu theo Chương-trình 1949 của Bộ Quốc-Gia Giáo-dục

Trần-ngọc-Chu — Nguyễn-quý-Bính — Hoàng-dinh-Tuất

Giáo học trường Nguyễn-công-Trư

Hà-Nội



TÂN QUỐC-VĂN

LỚP TƯ

Quyển I

thuongmaitruongxua.vn



1950

SOẠN GIẢ GIỮ BẢN QUYỀN



LỜI NÓI ĐẦU

Mục-dịch quyền sách

Quyển “**Tân Quốc - Văn Lớp Tư**” này gồm tất cả những bài Việt-Ngữ : Học thuộc lòng, Tập-đọc, Chính-tả, Ngữ-vựng, Tập làm văn, Giải-tri và Tập nói. Sách đã soạn theo chương-trình ngày 24-8-1949 của Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục và theo như chỉ-thị trong chương-trình đó, các bài dạy đã được chọn lọc để nhằm 2 mục-dịch thực-tế, làm cho trẻ có một nguyên - bản ngữ-vựng cần-thiết và rèn luyện đức-tinh của trẻ bằng cách kêu gọi những tình-cảm tốt đẹp.

Nội-dung quyển sách

Sách gồm 8 chính-đề học trong một năm : trừ tháng giêng và nửa tháng hai (ngủ Tết) học chung, còn mỗi tháng học riêng một. Mỗi chính-đề chia làm 4 phụ-đề ; mỗi phụ-đề dùng trong một tuần lễ và gồm có :

1 học thuộc lòng văn vần (học làm 2 lần).

2 tập đọc văn xuôi.

2 chính-tả trong đó có một trích ở Tập-đọc; những câu hỏi dĩ-nhiên là câu hỏi miệng để hiểu ý-nghĩa bài trước khi viết.

2 ngữ-vựng.

2 tập làm văn.

Cuối mỗi chính-đề là một bài giải-tri và tập nói, khi thì kể lại một bài ngụ-ngôn, khi thì đọc bài đó với giọng điệu thích-hợp.

(Xem chương trình 24-8-1949 trang 27)

Trong việc soạn bài, bao giờ chúng tôi cũng cố gắng cho được cụ-thể : luôn luôn chúng tôi dùng những thí dụ thiết-thực hay kể tên những đồ vật, những tranh vẽ cần dùng để hình-dung những cái mà trẻ chưa được biết.

Chúng tôi cũng không quên những động-tác nó vừa làm trẻ hiểu được dễ-dàng những chữ khó giải-nghĩa, vừa luyện cho trẻ quen với những điệu-bộ giản-dị và tự-nhiên thường dùng trong khi phát biểu ý tưởng.

Chúng tôi cũng rất chú đến cách phát-âm : những tiếng đọc cần phải phân biệt s, x, — tr, ch — r, d, g — những tiếng ngọng như l, n đều có ghi chép và xếp đặt phân-minh.

Kết - luận

Chúng tôi tưởng cũng nên thêm rằng : phần lớn những bài trong sách Quốc-văn này đã được dạy thử ở lớp và sau khi dạy sửa chữa ngay cho thêm hoàn-bị.

Dẫu sao cũng còn những khuyết-diểm nữa mà chúng tôi rất sung-sướng nếu được các bạn đồng-nghiệp vui lòng chỉ-giáo cho.

Sau hết, trong lúc này chúng tôi không đủ phương-tiện để xin phép được riêng từng tác-giả mà chúng tôi trích những bài dùng trong sách này. Chúng tôi xin các vị đó vui lòng tha-thứ cho và nhận ở đây lời cảm ơn thành-thực của chúng tôi.

SOẠN-GIẢ.

THÁNG CHÍN Chinh đề L- HỌC ĐƯỜNG.

開學
Tuần 1.— KHAI TRƯỜNG.

學熟 行禮 標礼
HỌC THUỘC LÒNG.— Chào cờ.

日、蒙 吐 旗
Nhớ ngày ngày chào lá quốc kỳ
Nhớ người chiến-sĩ, chết vì non sông,
Nhớ xưa bao vị anh hùng,
Phất cờ độc-lập, thành công hoàn-toàn.

梅 芳
Mai-Hoàng

I.— Điều bộ.- Đây học-trò tập hợp ; đứng nghiêm để chào cờ.

II.— Giải-nghĩa.- Lá quốc kỳ : cho xem lá cờ của nước nhà. Thành công : các vị anh hùng đánh đuổi được giặc để nước nhà được độc-lập, như thế là thành công.

III.— Câu hỏi : Các em chào cờ mỗi ngày mấy lần ? Vào những lúc nào ? Chào cờ em đứng thế nào ? Khi chào cờ em nghĩ

đến những ai ? Những vị đó có công gì với nước nhà ?
到這(誰人) 位這有 功勞 對 國家

先 學 禮 後 學 文
TIỀN HỌC LỄ, HẬU HỌC VĂN

nghĩa = 義

của = 所有

TẬP ĐỌC. — Ngày khai trường.

Trên đường cái, các học trò hớn-hở cắp sách đi học. Đã hơn hai tháng, hôm nay mới lại thấy các cô bé, các cậu bé, họp từng bọn đi với nhau nói cười vui-vẻ. Bên cạnh những bạn trẻ lanh-lẻn, liền thoảng ta thấy những học-trò ngô-ngác, rụt-rẻ đi sau ông cụ già hay người lớn tuổi. Đó là các cậu học-trò mới theo cha đến trường xin học.

Nguyễn-khắc-Mẫn.

GIỌNG ĐIỆU

- 1 — Trên, trẻ, trở, trường. — Lanh-lẻn, lớn, liền. — Rụt-rẻ.
2 — Bất chước, vẻ mặt hớn-hở, ngô-ngác, dang điệu rụt-rẻ, nói liền thoảng.

GIẢI NGHĨA

Đường cái: Đường rộng, lớn thì gọi là đường cái. — Bạn trẻ: Đây chỉ các em học-sinh. Gọi «bạn» là tỏ ý thân mật, yêu mến.

CÂU HỎI

Hôm khai trường, các học-trò có vui-vẻ không? Tại sao? Vẻ mặt học trò cũ có giống vẻ mặt các học-trò mới không? Tại sao? Học trò mới đi theo ai đến xin học?

CHÍNH TẢ. — Chép bài trên

Trên đường cái... vui-vẻ.

1 — Chữ khó viết: Trường (học), trên (đường), (cặp) sách, (học) trò.

2 — Câu hỏi: Giải-nghĩa: khai trường, hớn hở.

Ngày khai trường thường là ngày mùng mấy, tháng mấy?

Học-trò có đi riêng từng người một không?

TẬP ĐỌC. Trường tôi hôm khai giảng

Chúng tôi phải chen chúc mãi mới vào được trong trường. Ông hiệu trưởng râu tóc bạc hơn năm ngoài có vẻ bận-rộn vội-vàng, đang bị vây trong đám các bà, một số người thất-vọng vì không còn chỗ cho con.

Bạn tôi đi học đông-dủ. Nhiều người coi lớn vọt lên. Mấy trẻ em mới đến trường lần thứ nhất, không chịu vào lớp. Có em đã ngồi xuống ghế rồi lại trốn ra. Có em thấy cha mẹ về thì òa lên khóc.

Hà-mai-Anh.

GIỌNG ĐIỆU

Chúng, chen chúc, chỗ, cho, chịu, cha. — Trường, trường, trong — Râu — xuống.

2 — Bất chước: chen chúc, vây xung quanh, òa lên khóc.

GIẢI NGHĨA

Hiệu-trưởng: người đứng đầu một trường. Thất-vọng: muốn xin cho con vào học nhưng hết chỗ rồi, như vậy là thất vọng.

CÂU HỎI

Hôm khai trường, sân có đông người không? Muốn vào trong sân phải làm thế nào? Ngoài học-trò còn có những ai nữa? Tại sao một ít bà mẹ lại thất vọng? Những học-trò mới đã thích học chưa?

CHÍNH TẢ. Chép bài: Đi học.

Hôm nay là ngày khai trường. Mấy tháng hè thoảng qua như giấc mộng. Sáng nay mẹ tôi đưa tôi vào trường. Đi đường, tôi cứ vơ-vẩn nghĩ đến chốn nhà quê, lấy sự đi học làm ngại.

Hà-mai-Anh

Chữ khó viết: (khai) trường, giấc (mộng), chốn (quê)

Câu hỏi: 1 — Giải-nghĩa: thoảng qua như giấc mộng, vơ-vẩn nghĩ.

2 — Mấy tháng hè có lâu hết không?

3 — Tại sao em lại lo ngại đi học?

Bài 1 — Học trò

BÀI GIẢNG

Ngày khai trường, trong sân chật ních những học trò. Anh Minh là học trò cũ, anh bạo-dạn và tinh-nghịch; anh nô đùa tự nhiên. Anh Tâm là học trò mới, anh dút-dắt và bỡ ngỡ; anh ngo-ngác nhìn các học trò cũ chơi đùa vui vẻ. Chỉ vài hôm, học trò cũ mới sẽ quen nhau và chơi với nhau thân-thiết.

TẬP NÓI

Ngày khai trường, trong sân có nhiều học trò không? Anh Minh là học trò cũ hay mới? Anh có bạo-dạn và tinh-nghịch không? Anh nô đùa thế nào? Tâm là học trò cũ hay mới? Về mặt anh thế nào? Bao giờ học trò mới cũ sẽ quen nhau?

Bài 2 — Thầy giáo

BÀI GIẢNG

Học trò xếp hàng theo thầy giáo vào lớp. Thầy bắt đầu giảng bài số học. Giảng xong thầy ra bài cho học trò làm. Thầy đi từng bàn chấm bài bằng mực đỏ. Anh Nhất làm đúng: thầy phê điểm-số cao. Anh Ha làm sai: thầy phê điểm số kém. Thầy dạy rất tận tụy và yêu học trò như con.

TẬP NÓI.

Giờ vào học, học trò xếp hàng theo ai vào lớp? Thầy bắt đầu giảng bài gì? Giảng xong thầy có ra bài cho làm không? Thầy chấm bài bằng mực gì? Muốn được điểm số cao, phải làm bài thế nào? Thầy dạy có tận tụy không? Thầy có yêu học trò không?

Bài 1.

Cũ, mới, bạo-dạn, dút-dắt, nô đùa, nhìn, làm quen.

Lấy những tiếng trên này mà điền vào chỗ chấm cho hợp nghĩa:
Anh Giáp là học trò....., anh.....và.....tự nhiên. Anh Ất là học trò....., anh cô vẽ....., anh ngo-ngác.....khắp trường. Vài hôm sau, anh sẽ.....với các học trò cũ và chơi đùa với họ.

Bài 2.

Thầy giáo, mực, điểm số,

Giảng bài, ra bài, yêu.

Lấy những tiếng trên này mà điền vào chỗ chấm cho hợp nghĩa:
.....day học trò. Thầy.....và.....cho học trò. Thầy chấm bài bằng.....đỏ. Chấm xong, thầy phê.....Thầy.....học trò như con.



HỌC THUỘC LÒNG. — Tan học.

1—Chiều nay trông học vừa lan,
Cổng trường rộng mở thả đàn bướm bay.

Từng đàn em nhỏ thơ ngây.

Miệng cười hớn hở giắt tay nhau về.

2—Trên đường huyện-nào còi xe,
Xen cùng tiếng guốc via hè khua vang,

Đi trong các phố rộn-ràng,

Làm tăng thêm buổi chiều vàng sáng tươi.
Trung-Phương

ĐIỀU BỐ.

Huyện-nào còi xe (mỗi em giả làm một thứ xe: ô-tô, nô-tô, xe đạp, xích-lô... mở máy, bóp còi, bóp chuông chạy) miệng cười hớn hở. Khua vang guốc.

GIẢI NGHĨA.

Đàn bướm bay: học trò chạy ủa ra như đàn bướm bay. *Thơ ngây*: các em hãy còn bé dại, chưa biết gì. *Rộn-ràng*: phố xá đông người, xe pháo chạy tấp-nập, lại thêm học trò tan học về đông đúc, ồn ào; như thế là rộn-ràng.

CÂU HỎI

Lúc tan học, trẻ con có vui mừng không? Tại sao? Nét mặt thế nào? Có đi riêng từng người một không? Ngoài phố lúc đó nghe thấy gì? Các học sinh có làm cho phố xá thêm ồn ào không?

HỌC ĂN, HỌC NÓI

TẬP ĐỌC 1. — Trường Mỹ-Lý.

Trước mặt tôi, trường Mỹ-Lý trông vừa xinh, xắn vừa oai-nghiêm như cái đình làng Hòa Ấp. Sân nó rộng, mình nó cao hơn những buổi trưa hè đầy vầng trăng. Lòng tôi đầm lợ sợ vẩn vơ.

Cũng như tôi, mấy cậu học trò mới bỏ ngổ đứng nép bên người thân. Họ ngập-ngừng e-sợ như con chim non đứng trên bờ tổ. Họ ước-ao thăm được như những người học trò cũ, biết lớp, biết thầy, để khỏi phải rụt-rè trong cảnh lạ.

Theo Thanh-Tịnh

GIỌNG ĐIỆU

- 1.— Trước, trông, trưa; chim.— Sân, xinh-xắn.— Rụt-rè.— Ngập-ngừng.
- 2.— Bất chước: vẽ mặt bờ ngổ, ngổ ngác, e sợ; đứng nép.

GIẢI NGHĨA.

Oai-nghiêm: trường học làm các cậu bé sợ, người ta nói là nó oai-nghiêm. *Người thân*: ông bà, cha mẹ, anh chị là những người thân.

CÂU HỎI.

Những buổi trưa hè, sân trường thế nào?— Bây giờ khác ra sao? Tại sao các cậu học trò đứng nép bên người thân? Họ thèm được như những ai?

CHÍNH TẢ 1. — Chép bài trên.

Trước mặt tôi... vẩn vơ.

Chữ khó viết: Trông, trước (mặt), trường (học), (buổi) trưa.— Cái (sân), (lo) sợ, xinh xắn.— Nghiêm.

Câu hỏi.— 1.— Giải nghĩa: oai-nghiêm, vẩn-vơ.

2.— Trường em học gọi tên là trường gì?

3.— Tại sao các cậu bé lo-sợ vẩn-vơ.

TẬP ĐỌC 2. — **Thăm trường cũ.**

Ngày nay, nhưng khi tôi có dịp về thăm quê hương, không lần nào tôi quên ra thăm lại ngôi trường cũ, là nơi tôi suốt hai năm được thầy yêu, bạn quý.

Đã có lần tôi vào thăm trường cũ và nhìn lại mấy lớp học, nơi vẫn đi về năm xưa. Nay cảnh vẫn là cảnh trước, chỉ ngôi trường kia đã từ một ngôi nhà mới đổi thành một trường học cũ kỹ với những tường vôi hoen ố, những cánh cửa xiêu vẹo.

Theo Hồng-Lam.

古詞
GIỌNG ĐIỀU

Suốt, xưa, xiêu vẹo. Làn, lại, lớp.

GIẢI NGHĨA

Quê hương: Làng tôi là làng Nghĩa-đô, Nghĩa-đô còn gọi là quê hương tôi nữa. **Hoen ố**: cho xem một mảnh giấy, một miếng vải hay một chỗ tường hoen ố. **Xiêu vẹo**: vẽ một cánh cửa xiêu vẹo.

CÂU HỎI

Mỗi lần về thăm quê nhà, tác-giả làm gì? Ông thấy nhà trường nay đã khác xưa thế nào? Trông thấy trường cũ kỹ, tường hoen ố, cửa xiêu vẹo, ông buồn hay vui?

CHÍNH TẢ 2. — *Chép bài* **Đi học.**

Buổi mai hôm ấy, một buổi mai đầy sương thu và đầy gió lạnh. Mẹ tôi âu yếm nắm tay tôi dẫn đi trên con đường làng dài và hẹp. Tôi đi học. Tôi không lội qua sông thả diều như thằng Quý và không đi ra đồng nô hò như thằng Sơn nữa.

Theo Thanh-Tĩnh.

Chữ khó viết. — (Gió) sương, (qua) sông, (thằng) Sơn. — (Mưa) gió, (ngắn) dài, (cái) diều.

Câu hỏi. — 1 — Giải-nghĩa: buổi mai, nô hò

2 — Ai dẫn cậu bé đi học?

3 — Cậu còn nhiều thì giờ nô hò nữa không?

NGŨ VỤNG

Bài 1 — **Đánh bi**

BÀI GIẢNG

Nhật rủ Đầu **chơi bi**. Hai anh móc túi lấy những viên **bi** thủy tinh rất đẹp. Nhật vẽ một **vòng** tròn; Đầu vẽ một vạch **đích** cách vòng tròn độ ba thước. Nhật chơi bi rất **giỏi**: anh **ngắm** viên bi của Đầu rồi **bắn** trúng. Tách! Hai viên bi trọi nhau và bắn ra xa. Nhật **được** ván đó; Đầu **thua** phải cồng Nhật một vòng.

TẬP NÓI

Nhật và Đầu rủ nhau chơi gì? Bi hai anh để đâu? Viên bi thủy-linh có đẹp không? Em còn thấy những thứ bi bằng gì nữa? Ba vẽ gì? Bốn? Đầu chơi bi có giỏi không? Bắn trúng thì được hay thua? Người thua phải làm gì?

Bài 2 — **Đá cầu**

BÀI GIẢNG

Tôi rủ Lợi, Thanh và Hà chơi cầu. Tôi vạch xuống đất hai **vạch** chữ thập và chúng tôi chia nhau đứng bốn góc để đá cầu. Lợi lấy ra một **quả cầu** bằng **đồng trinh** có **tua giấy** đẹp lắm. Thanh **truyền** cao cho Hà. Chúng tôi đá cầu, lúc cao, lúc thấp, **tung** lên, **đơ** lấy; **nhANH NHẸN** vô cùng.

TẬP NÓI

Muốn chơi cầu thường phải có mấy người? Bốn người đá cầu thì chia đất thế nào? Quả cầu làm bằng gì? Có tua bằng gì? Truyền cầu bằng tay hay chân? Quả cầu lên xuống thế nào? Để cầu rơi là được hay thua?

TẬP LÀM VĂN

Bài 1.

Hòn bi, vòng, vạch đích - Được, thua - Bắn, đánh bi.

Lấy những tiếng trên này mà điền vào chỗ chấm cho hợp nghĩa :
Muốn.....phải có những.....bằng thủy tinh hay bằng đá. Người
chơi vẽ một.....tròn và một.....Người chơi giỏi thì.....trúng luôn.
Người.....phải công người.....một vòng.

Bài 2.

Quả cầu, đồng trinh, tua giấy - Cao, thấp - Rơi, truyền cầu.

Lấy những tiếng trên này mà điền vào chỗ chấm cho hợp nghĩa :
Quả.....làm bằng.....và có.....trông đẹp lắm. Những người chơi
.....cho nhau : quả cầu lúc lên.....lúc xuống.....Ai dễ cầu.....xuống
đất là thua.



Tuần 3. — **BẠN BÈ.**

HỌC THUỘC LÒNG. — **Thầy và bạn.**

*Học thầy biết ơn thầy
Có thầy ta mới hay.
Nghĩa - lý không bỏ bên
Ai trở con đường ngay ?*

*Học thầy vui có bạn,
Đua bạn học không chán
Bạn hiền ta kính yêu.
Bạn dở đừng thân-thiết.*

Tản-Dà

GIẢI NGHĨA.

Có thầy ta mới hay : nhờ có thầy dạy dỗ, ta mới thành được người giỏi, người tốt. *Nghĩa-lý không bỏ bên* : sự học rộng như bể, học suốt đời vẫn chưa hết ; như thế gọi là nghĩa-lý không bỏ bên. *Con đường ngay* : yêu quý bạn, giúp đỡ bạn ; đừng ăn gian nói dối ; chờ tham của người ; như thế là con đường ngay. Con đường ngay đó, thầy giáo chỉ bảo cho ta. *Bạn hiền* : bạn tốt. *Bạn dở* : bạn xấu.

CÂU HỎI

Tại sao ta phải ơn thầy ? Ai trở cho ta điều hay nên làm, điều dở phải tránh ? Không có bạn cùng học có vui không ? Ta đối với bạn hiền thế nào ? Ta đối với bạn dở thế nào ?

GẮN MỤC THỈ ĐÈN, GẮN ĐÈN THỈ RẠNG

TẬP ĐỌC. — **Bạn tôi.**

Anh Xuân, học một lớp với tôi, cùng tôi kết bạn đã lâu. Anh năm nay mười ba tuổi, mặt tròn, nước da không trắng nhưng mịn, tay lẹ làng, chân thông-thả.

Anh thường ít nói. Đôi mắt sáng mà sâu, đôi mắt đó thường hay nghĩ ngợi chuyện xa xôi. Người anh như thế cho nên tính anh cần trọng cũng không phải lạ. Anh không hay chơi đùa nghịch-ngợm, nói năng nhảm nhí như các trẻ mất nết.

Đồng-hồ.

GIỌNG ĐIỀU

1 — Lớp, lâu, lẹ-làng — Trắng, trọng, trẻ — Chuyện — Xuân, xa-xôi ; sau

2 — Bất chước : Tay lẹ làng, chân thông-thả, đôi mắt nghĩ ngợi.

GIẢI NGHĨA

Da mịn : cho xem một làn da mịn. *Cần-trọng* : làm cái gì cũng nghĩ trước, nghĩ sau, suy đi tính lại thì gọi là cần trọng — *Trẻ mất nết* : nghịch ngợm lão lếu, nói năng nhảm nhí, dạy bảo không ăn lời, thế là mất nết.

CÂU HỎI

Người bạn thân của em tên là gì ? Hai anh em chơi với nhau từ bao giờ ? Dáng điệu anh thế nào ? Trước khi làm điều gì anh có nghĩ ngợi không ? Anh nói năng, chơi đùa ra sao ?

CHÍNH TẢ. — *Chép bài trên.*

Anh Xuân... thông thả.

Chữ khó viết. — (Mặt) tròn, (da) trắng, chân (tay) — (Nước) da — (Anh) Xuân.

Câu hỏi. — 1 — Giải-nghĩa : kết bạn.

2 — Anh Xuân hơn hay kém tuổi anh ?

3 — Hai anh em chơi với nhau từ bao giờ ?

TẬP ĐỌC. — **Người bạn tốt.**

Đối với bạn, lúc nào anh Xuân cũng vui-vẻ, tử-tế ; đối với thầy, bao giờ cũng lễ phép. Bởi vậy trong trường, thầy và bạn, ai cũng có lòng yêu mến cái tài và cái nết của anh.

Riêng phần tôi, tôi đối với anh thực đã như tình ruột thịt. Tôi thích chơi với anh là người có phẩm - hạnh, đáng làm khuôn mẫu cho tôi ; kết bạn với anh có bổ ích cho tôi về việc học-vấn và về sự sửa mình.

Theo Đông Hồ

GIỌNG ĐIỀU

Trong, trường ; chơi — Sự, sửa — Ruột.

GIẢI NGHĨA

Tình ruột thịt : Xuân và anh không cùng cha mẹ sinh ra mà thân với nhau như anh em ruột vậy. *Phẩm-hạnh* : Anh Xuân yêu kính cha mẹ, nhường nhịn các em, vâng lời thầy... như thế là có phẩm-hạnh. *Khuôn mẫu* : tôi bắt chước anh Xuân ; anh Xuân là khuôn mẫu cho tôi theo.

CÂU HỎI

Anh Xuân đối với bạn thế nào ? Đối với thầy thế nào ? Mọi người có ưa anh không ? Tại sao em thích chơi với Xuân ?

CHÍNH TẢ. — *Chép bài : Bạn bè.*

Chim có đàn cùng hát, tiếng hát mới hay. Ngựa có bạn cùng đua, nước đua mới mạnh. Huống là học trò lại chẳng cần có bạn để cùng nhau ganh đua học-hành, chia vui sẻ buồn với nhau ư ?

Theo Đông hồ

Chữ khó viết. — Chim, chia, chẳng — Sẻ.

Câu hỏi : 1 — Giải nghĩa : nước đua, huống là.

2 — Có bạn ích lợi thế nào ?

3 — Ta có nên chọn bạn mà chơi không ?

NGŨ VỤNG

Bài 1 — Bạn hữu.

BÀI GIẢNG

Ở trường tôi có nhiều **bạn**. Tôi **chọn bạn** mà chơi. Các bạn tôi đều **ngoan-ngoãn** và **hiền lành**. Trong lớp, ai thiếu đồ dùng, tôi **cho mượn**. Ra đường, ai bị đưa lớn bắt nạt, tôi **bênh vực**. Giờ chơi, chúng tôi nô đùa với nhau rất vui vẻ. Tôi **yêu quý** bạn như **anh em ruột**.

TẬP NÓI

Ở trường, em có nhiều bạn không? Em có chọn bạn mà chơi không? Tình nết các bạn em thế nào? Trong lớp em có giúp đỡ các bạn thiếu thốn không? Ra đường, nếu có đưa lớn bắt nạt bạn, em làm gì? Giờ chơi em cùng bạn làm gì? Em yêu quý bạn thế nào?

NGŨ VỤNG

Bài 2 — Bốn phận học trò : học tập.

BÀI GIẢNG

Tháng chín, Loan học còn **kém**. Nhưng anh **cố-gắng học-tập**, nên vài tháng sau, anh được xếp thứ nhất. Anh học **chăm** lắm, anh **làm bài** cẩn-thận, anh được nhiều **điểm-số** cao. Anh không hay nghỉ và buổi học nào anh cũng đến đúng giờ. Anh học hành như vậy chả trách chóng **tấn tới** là phải.

TẬP NÓI

Tháng chín, Loan học có khá không? Tại sao vài tháng sau anh được xếp thứ nhất? Tại sao anh được **điểm-số** cao? Anh có hay nghỉ không? Anh có đi học trễ giờ không? Anh học hành kết-quả ra sao?

TẬP LÀM VĂN

Bài 1.

Anh em, đồ dùng — Tử-tế, hiền-lành — Chọn bạn.

Lấy những tiếng trên này mà điền vào chỗ chấm cho hợp nghĩa :

Ở trường tôi . . . mà chơi. Tôi chơi toàn với người . . . và . . . Ai thiếu . . . , tôi cho mượn. Ai bị kẻ hung-ác . . . , tôi **bênh-vực**. Tôi yêu quý bạn như . . . **ruột** vậy.

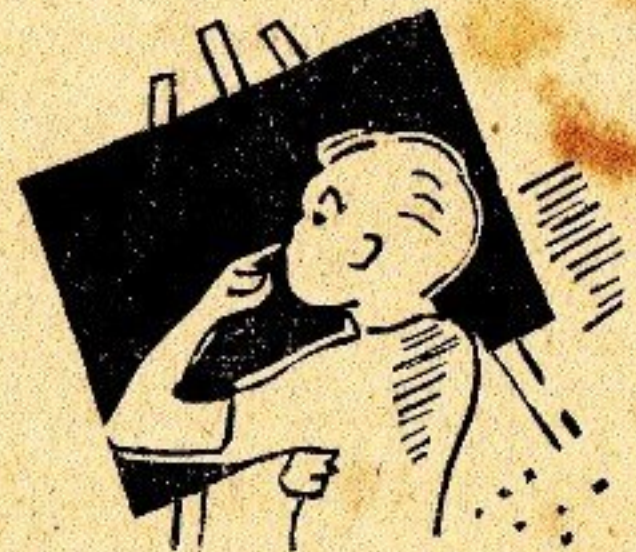
TẬP LÀM VĂN

Bài 2.

Cố gắng, kém, đúng, thuộc, cẩn-thận, tấn-tới.

Lấy những tiếng trên này mà điền vào chỗ chấm cho hợp nghĩa :

Học trò . . . mà biết . . . thi rồi cũng bằng bạn hữu. Đi học phải cho . . . Bài học phải cho thật . . . Bài làm phải làm cho thật . . . Chăm chỉ như thế thì rồi cũng sẽ . . . , thầy giáo và cha mẹ sẽ vui lòng.



Tuần 4.— **THẦY TRÒ.**

HỌC THUỘC LÒNG.— Học trò nghèo.

*Con nhà khó nhiều khí vất vả,
Ngoài học-đường thư-thả được đâu !*

*Khi thì quẩy nước tưới rau,
Chợ tan đón gánh theo sau mẹ già.
Việc giấy bút vẫn là đi học,
Chốn gia-đình khó nhọc nhường ai ?*

*Vì chẳng có chí, có tài,
Khi nền trời cũng cho người làm nài.*

Tản - Đà

ĐIỀU BỐ.

Bất chước : Quẩy nước, tưới rau.

GIẢI NGHĨA.

Con nhà khó : con nhà nghèo. **Vất vả** : ngày hai buổi đi học, về nhà lại phải thổi cơm, giặt giũ, quét nhà cửa giúp cha mẹ, như thế là vất vả—
Thư thả : nếu đi học về, được nghỉ ngơi chơi đùa, không phải làm gì cả thì là thư thả. **Việc giấy bút** : việc học hành.

CÂU HỎI.

Ngoài giờ học, các học trò nghèo ở nhà phải làm gì ? Giúp đỡ cha mẹ thì còn giờ học nữa không ? Đối với các bạn nghèo mà chăm học, em phải làm gì ? Bài này ngụ ý khuyên ta gì ?

KHÔNG THẦY, ĐỐ MÀY LÀM NÈN !

TẬP ĐỌC.— Anh Phan-Tin.

Trong lớp tôi học, có anh Phan-Tin là khó chịu hơn cả. Anh là một đứa trẻ quái ác. Hễ thấy cha mẹ bạn mắch con cũng thấy là anh thích chí. Hễ thấy ai khóc thì anh cười. Anh hay sinh sự với những bạn yếu đuối ; lúc đánh nhau thì anh hung tợn như con thú dữ.

Mẹ anh buồn vì anh mà thành bệnh. Ba lần cha anh đã đuổi anh ra khỏi nhà. Thỉnh thoảng mẹ anh lại ra trường hỏi về hạnh-kiểm của anh, nhưng lần nào bà cũng phải rơi lệ trở về.

Hà-Mai-Anh

GIỌNG ĐIỀU

- 1.— Chịu, chí — Trẻ, trở — Dữ — Rơi,
- 2.— Bất chước : thích chí, hung-tợn như con thú dữ.

GIẢI NGHĨA

Khó chịu : Phan-Tin làm cho mọi người bức mình, không ai ưa anh cả ; như thế thì anh là một đứa trẻ khó chịu. **Quái ác** : người khóc, anh cười ; người buồn, anh vui ; thế là quái ác. **Sinh sự** : anh bịa chuyện ra tìm cớ cãi nhau với người khác, thế là sinh sự. **Lệ** : nước mắt ; rơi lệ : khóc.

CÂU HỎI

Có ai ưa Phan-Tin không ? Tại sao ? Đối với bạn yếu đuối anh làm gì ? Khi đánh nhau đáng điệu anh thế nào ? Cha mẹ anh có khổ vì anh không ?

CHÍNH TẢ.— Chép bài trên.

Anh là một . . . thú dữ.

Chữ khó viết.— Sinh sự — Cha (mẹ), (thích) chí, (khó) chịu — (Thú) dữ.

Câu hỏi.— 1— Giải nghĩa : con thú dữ (thí dụ), hung tợn.

2— Phan-Tin có những tính xấu gì ?

3— Có ai ưa Phan-Tin không ? Tại sao ?

TẬP ĐỌC.— Lời Thầy.

Thầy yên lặng nhìn chúng tôi một lúc rồi ôn-tồn nói :
— Các con ơi ! Ta chỉ còn có một mình. Ngoài các con ra, ở trên đời này, ta không còn có ai nữa. Ngoài sự yêu thương các con, ta không còn yêu thương ai hơn nữa. Các con ví như con ta. Ta sẽ yêu dấu các con. Đáp lại, các con phải yêu dấu ta. Ta không muốn phạt một người nào cả. Các con phải tỏ ra là những đứa trẻ có tâm-hồn. Trường ta sẽ là một gia-dình. Các con sẽ là mối an ủi của ta.

Hà-mai-Anh.

GIỌNG ĐIỀU

1 — Yên, yêu, ủy — Chúng — Trường — Dấu — Gia.

2 — Bắt chước thầy giáo : yên lặng nhìn học-trò... rồi nói rất ôn-tồn (một vài câu trong bài).

GIẢI NGHĨA.

Có tâm hồn : Đứa trẻ yêu cha mẹ, mến thầy, quý bạn, thương xót đồng-bào là đứa trẻ có tâm-hồn — An ủi : cha mẹ thầy chết cả rồi, mà vợ con thì thầy chưa có, cho nên thầy buồn lắm. Các học-trò làm cho thầy đỡ buồn, thế là an ủi thầy vậy.

CÂU HỎI

Thầy nói với trò một cách thế nào ? Thầy có yêu trò không ? Các học-trò phải đối với thầy thế nào ? — Tại sao học-trò lại là mối an ủi của thầy ?

CHÍNH TẢ.— Chép bài: Yêu kính thầy.

Con ơi ! Phải yêu kính thầy con. Phải yêu thầy vì cha mẹ yêu thầy và trọng thầy. Hãy yêu thầy vì thầy đã hy-sinh đời thầy để gây hạnh-phúc cho bao nhiêu đứa trẻ sẽ quên thầy.

Hà-mai-Anh.

Chữ khó viết.— Yêu — Trọng (thầy), (đứa) trẻ — (Hy) sinh, sẽ.

Câu hỏi : 1 — Giải-nghĩa : gây hạnh-phúc (thí-đáp)

2 — Tại sao các em phải yêu kính thầy giáo ?

NGŨ VỤNG

Bài 1 — Bốn phận đối với thầy (khi đương đi học.)

BÀI GIẢNG

Bích là người học trò tốt. Đối với thầy, anh lễ-phép và ngoan-ngoãn. Anh tỏ ra là đứa trẻ dễ dạy. Trong lớp, anh chăm chú nghe lời thầy và ghi nhớ những điều thầy dạy. Khi anh gặp thầy, anh ngả mũ chào rất kính cẩn. Anh đáng làm gương cho cả lớp.

TẬP NÓI

Bích là người học trò tốt hay xấu ? Anh đối với thầy thế nào ? Thầy dặn bảo gì, anh có theo không ? Trong lớp anh có nghịch-ngợm không ? Khi gặp thầy, anh chào thế nào ? Tại sao anh đáng làm gương cho cả lớp ?

Bài 2 — Đối với trường và lớp.

BÀI GIẢNG

Bạch không những chăm học, anh lại rất sạch sẽ. Anh không vẽ bậy ra tường. Anh lau chỗ bàn ghế ngồi rất sạch sẽ. Không bao giờ anh lấy phấn hay mực viết bậy lên bàn. Nếu trong lớp có giấy vụn, anh nhặt lấy và bỏ vào sọt ở cuối lớp. Anh coi trường và lớp như nhà anh vậy.

TẬP NÓI

Bạch có sạch sẽ không ? Anh giữ-gìn trường thế nào ? Anh lau chỗ bàn ghế ngồi thế nào ? Anh có hay viết bậy lên bàn không ? Thấy có giấy vụn trong lớp anh làm gì ? Anh có quý trường và lớp không ?

TẬP LÀM VĂN

Bài 1.

Gương, lễ phép, dễ dạy,

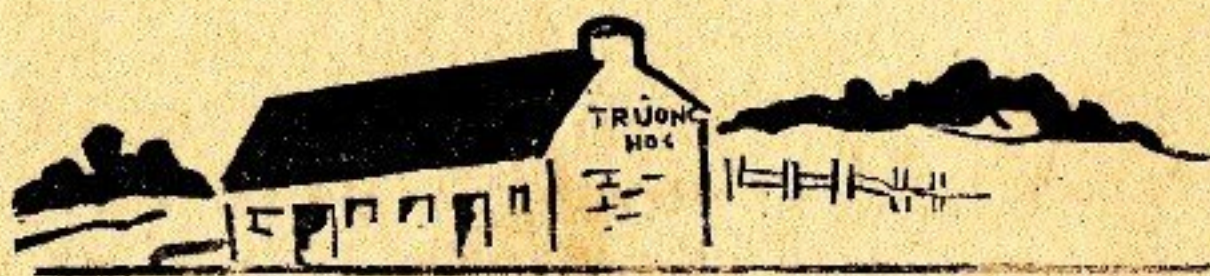
Nghe, dặn bảo, ngả mũ, vái chào.

Lấy những tiếng trên này mà điền vào chỗ chấm cho hợp nghĩa :
Người học trò tốt thì rất.....và.....Gặp thầy, đội mũ thì anh.....
mũ chào tử tế, không đội mũ thì anh.....chào kính cẩn. Trong lớp,
anh.....lời thầy dạy và ghi nhớ những điều.....Người học trò xấu
phải lấy đó mà làm.....

Bài 2.

Tường, sân, bàn ghế — Sạch sẽ, vụn — Nhặt, giữ gìn.

Lấy những tiếng trên này mà điền vào chỗ chấm cho hợp nghĩa :
Người học trò.....không vẽ bậy ra.....và không phóng uế bậy
ra.....Anh lau chùi.....trước khi ngồi vào chỗ học. Trong lớp có
giấy....., anh.....bỏ vào sọt. Anh giữ gìn lớp học như nhà anh vậy.



GIẢI TRÍ và TẬP NÓI

Nói lại chuyện « Cậu An, thiêu thân và đèn » trong bài ngụ
ngôn dưới đây.

Cậu An, thiêu thân và đèn.

Cậu An, kêu tổ ngọn đèn,
Trước bàn giở sách ra xem lại bài.
Chợt trông thấy tự bên ngoài,
Thiêu thân bay lại, liệng chơi ở gần.
Bay lên, bay xuống, lung tung,
Thấy tia đèn sáng, càng quăng mình vào.
Bỏ chân, xem cánh chẳng sao,
Hãy đùa cho thỏa, nhẽ nào đã thôi.
Nhờn-nhờ bay lượn một hồi,
Ngã ngay vào lửa, thương ôi, còn gì !
An thương bướm, về sâu bi
Trách đèn tàn nhẫn hay gì oan gia.
Đèn rằng : « Lạ thói người ta,
Ham chơi chẳng chút nghĩ xa, nghĩ gần.
Mảng vui nhắm mắt đưa chân,
Biết đâu thiệt hại đến thân sau này. »

Đạm-Quang.

GIẢI NGHĨA

Con thiêu thân : tối đến, thắp đèn sáng, thường có một con lửa con
muỗi bay lại : đó là con thiêu thân. Nó bay lên, bay xuống như nó đùa
với ngọn lửa, khi lánh đi, lúc sà vào cho tới khi bị ngọn lửa đốt cháy
(thiêu) mất xác (thân) mới thôi. — *Thỏa* : thích trí — *Sâu bi* : buồn rầu —



THÁNG MƯỜI
Chinh đề II.- **GIA - ĐÌNH**

Tuần 1. — **TỒ TIÊN, GIỖ TẾT.**

HỌC THUỘC LÒNG. — **Tổ tiên.**

*Cây kia ăn quả ai giồng ?
Sông kia uống nước, hỏi dòng từ đâu ?
Cơ-đồ gây dựng từ lâu,
Công-lao tiên tổ lẽ đâu quên hoài !
Mộ phần gìn giữ hôm mai,
Những ngày giỗ tết chớ sai lễ thường.
Hết lòng làm lụng mở mang
Sao cho tỏ nghiệp rõ ràng hơn xưa.*

Nguyễn-đức-Bảo.

GIẢI NGHĨA

Cơ-đồ: đất nước, nhà cửa, ruộng nương... tất cả những thứ ông cha để lại cho chúng ta. *Mộ phần*: mồ mả — *Tổ-nghiệp*: công việc của ông cha làm. *Rõ ràng hơn xưa*: một ngày một tốt đẹp hơn lên.

CÂU HỎI

Khi ăn quả, ta phải nhớ đến ai? Khi uống nước ta phải nhớ đến gì? Ta phải giữ-gìn mồ mả tổ-tiên thế nào? Đến ngày giỗ tết, ta phải làm gì? Muốn cho công-nghiệp tổ-tiên mỗi ngày một tốt đẹp hơn lên, ta phải làm thế nào?

VẤN TỔ TÌM TÔNG

TẬP ĐỌC.- Ngày giỗ.

Bà Tú đến trước bàn thờ, tay run-run đặt một vòng hương lên đầu que cắm trong chiếc bát xanh đầy cát. Bà châm hai cây nến trắng cắm trên đôi đài gỗ mộc bày hai đầu án thư, cạnh chén nước lã với đĩa trầu lăn mấy bông hoa.

Bà xếp lại bát đĩa trên mâm cơm cúng cho ngay ngắn, rồi bà quỳ trước bàn thờ, lâm-râm khấn vong - hồn cụ Tú. Bà vừa khóc vừa cúi rạp xuống lễ.

Theo Ngọc-Giao

GIỌNG ĐIỀU

1.— Run-run, lâm-râm, cúi rạp.- Trước, trắng, trên, trầu, chiếc.- Xanh, xuống,

2.— Bát chước: Tay run-run, lâm-râm khấn; cúi rạp xuống.

GIẢI NGHĨA

Bát xanh, đài gỗ, án thư: vẽ lên bằng hay đưa cho học trò xem những thứ đó. *Vong hồn*: hồn người chết gọi là vong hồn.

CÂU HỎI

Bà Tú đến trước bàn thờ để làm gì? Tại sao tay bà lại run-run? Bà cắm nến vào đâu? Trên bàn thờ còn có những gì nữa? Bà khấn thế nào? Tại sao bà khóc?

CHÍNH TẢ. — Chép bài trên.

Bà Tú đến.....bông hoa.

Chữ khó viết — Trước (ban), trong (bát), (nến) trắng, (đĩa) trầu, Chiếc (bát), châm (nến), chén (nước) - (Tay) run run - (Bát) xanh.

- Câu hỏi:**
- 1.- Giải nghĩa: gỗ mộc, vòng hương.
 - 2.- Chiếc bát xanh để cắm hương gọi là gì?
 - 3.- Kể những thứ đồ thờ trên bàn thờ?

TẬP ĐỌC. — **Thờ kính tổ-tiên.**

Tổ-tiên là cái gốc gia-đình nhà mình. Tổ-tiên trước đã phải làm lụng khó nhọc mới gây dựng nên cơ-nghiệp. Ngày nay, nhà mình được thịnh-vượng, họ hàng anh em được đông đúc, ấy là nhờ có các cụ ngày trước tu-nhân, tích-dức, siêng-năng, cần-kiệm. Bởi vậy cho nên bất kỳ tôn-giáo nào cũng lấy sự thờ-phụng tổ-tiên làm cốt ở trong gia-tộc.

Trần-trọng-Kim.

GIỌNG ĐIỀU

Gia, dựng — Siêng, sự — Trước, trong — Là, làm, lụng, lấy —

GIẢI NGHĨA

Cơ-nghiệp: nhà cửa, ruộng vườn của ông cha để lại — *Thịnh vượng*: trước không có nhà ở, nay tậu được nhà cửa, ruộng vườn; trước nghèo túng nay đã thừa thãi; như thế là mỗi ngày một tốt đẹp hơn, thịnh-vượng thêm. *Tu-nhân tích-dức*: thí dụ giúp đỡ người nghèo-khổ, không làm hại ai, ăn ở ngay thẳng. *Cần-kiệm*: chăm chỉ làm lụng, được tiền lại biết để dành không hoang-phí, thế là cần-kiệm.

CÂU HỎI

Tổ-tiên trước đã làm gì? — Ngày nay ta được sung-sướng là nhờ ai? Bồn-phận ta phải làm gì?

CHÍNH TẢ. — *Chép bài*: **Bàn thờ ngày Tết.**

Trên bàn thờ, dưới ánh sáng rực-rỡ của đèn nến, những đồ thờ bằng đồng lấp-lánh. Miệng con sấu trên nắp đỉnh lạng-lẽ tuôn khói. Làn khói xanh phơn-phớt bốc lên, tỏa thơm ngát. Thọ nhẹ nhàng đặt hai cốc thủy-tiên lên bàn thờ rồi thắp thêm hương xạ. Theo **Nguyễn-khắc-Mẫn.**

Chữ khó viết. — (ánh) sáng, (con) sấu; (khói) xanh, (hương) xạ — Rực-rỡ, rồi (thắp).

Câu hỏi. — 1 — Giải-nghĩa: rực-rỡ, thơm-ngát.

2 — Kể những đồ thờ trên bàn thờ, ngày Tết.

3 — Thủy-tiên: cánh, nhị màu gì?

NGŨ VỤNG

Bài 1 — Ông bà

BÀI GIẢNG

Ông bà tôi đã ngoài sáu mươi tuổi. Tóc đã bạc, da đã nhăn, má đã hóp, răng đã rụng vài cái. Mắt ông bà tôi đã mờ, nên phải đeo kính để xem sách hay khâu vá. Ông bà tôi chiều các cháu lắm; đứa nào phải đòn, ông bà lại bênh. Chúng tôi thường quần quít quanh ông bà.

TẬP NÓI

Ông bà em bao nhiêu tuổi? Tóc, da, má, răng.....ông bà em thế nào? Tại sao ông bà em phải đeo kính? Ông bà có yêu các cháu không? Đứa nào phải đòn, ông bà làm gì? Đi chợ hay đi chùa về, ông bà hay cho cháu gì? Các cháu thường quần quít xung quanh ông bà để làm gì?

Bài 2 — Cha mẹ

BÀI GIẢNG

Cha tôi 40 tuổi, người khỏe-mạnh và nhanh-nhẹn lắm. Cha tôi làm thợ điện, kiếm tiền nuôi gia - đình. Cha tôi tuy nghiêm - khắc nhưng rất yêu mến các con. Cha tôi thường tiếc vì nhà nghèo, nên phải thôi học sớm để đi làm thuê. Mẹ tôi trông nom việc nhà, nấu ăn, khâu vá và săn-sóc chúng tôi.

TẬP NÓI

Cha em bao nhiêu tuổi? Có mạnh-khỏe không? Cha em làm việc gì? Tính người có nghiêm khắc không? Có yêu mến các con không? Cha em phải thôi học sớm? Mẹ em bận những việc gì? Con cái có thể giúp cha mẹ những việc gì?

TẬP LÀM VĂN

Bài 1.

Ông bà, kính, quà bánh.

Bạc, mời, mờ, còng.

Chiều, can.

Lấy những tiếng trên mà điền vào chỗ chấm cho hợp nghĩa
...tôi đã già lắm. Tóc....., da.....; mắt đã.....nên phải đeo.....;
lưng cũng đã.....nên phải chống gậy mới đi được. Ông bà tôi.....
các cháu lắm; đi đâu về là bao giờ cũng có.....cho cháu. Các
cháu phải đón, ông bà xột lắm, lại.....ngay.

Bài 2.

Cha mẹ, rau, sách vở.

Mạnh khỏe, nhanh nhẹn.

Bán, sẵn sóc.

Lấy những tiếng trên này mà điền vào chỗ chấm cho hợp
nghĩa :

.....tôi còn trẻ, người.....và.....lắm. Cha tôi.....hàng tạp-hóa ở
chợ, lấy tiền nuôi vợ con. Tuy bận rộn, thỉnh-thoảng, người
vẫn xem.....của tôi. Mẹ tôi trước cũng đi chợ bán....., nhưng bây
giờ ở nhà.....các con.



Tuần 2.— NHỮNG NGƯỜI THÂN.

HỌC THUỘC LÒNG.— Lòng mẹ.

Thân con, mẹ lo cho ;

Thân mẹ, mẹ không lo.

Mẹ rét, con thương ấm,

Mẹ đói, con thương no.

Thân con đã ấm no,

Lòng mẹ chưa hết lo.

Lo sâu thay lòng mẹ !

Gang thước, ai lường đo ?

Tản-Đà.

GIẢI NGHĨA

Thân con đã ấm no: thân con đã ấm no rồi. Gang thước: người
ta thường đo bằng gang tay, bằng thước. Nhưng lòng mẹ sâu rộng như
sông biển, gang nào, thước nào mà đo cho được !

CÂU HỎI

Thân con, ai lo cho? Thân mẹ ai lo cho? Trong khi mẹ rét, mẹ đói,
con được đầy đủ thế nào? Khi thân con đã ấm no rồi, lòng mẹ đã yên vui
chưa? Mẹ còn nữa? Lòng mẹ có lấy thước mà đo được không? Tại sao?

CON CÓ CHA NHƯ NHÀ CÓ NÓC

TẬP ĐỌC. — Bà cháu.

Đêm càng khuya càng yên lặng... Chị Xà ngồi vào khung cửi, sửa chữa qua loa rồi bắt đầu dệt. Nhát đầu nện xuống vang động cả mấy gian nhà. Đứa con nhớn tỉnh dậy khóc. Bà nó nằm cạnh, ôm lấy nó và dọa : « Chít ! Chít ! ngủ đi không có chuột chỉ đến cắn chân đấy ! Chuột chi ời ! Cháu tôi nó ngủ rồi. Thằng bé bên hàng xóm nó khóc đấy, chuột chi ạ ».

Đứa bé phần vì sợ chuột chi, phần vì nghe tiếng dệt đã quen tai, nằm yên ngủ.

Theo Trần-Tiêu.

GIỌNG ĐIỀU

- 1 — Lặng, loa, lấy, lượ — Gió, gian — Dây — Chuột chi, chân, cháu.
2 — Bắt chước tiếng chuột chi kêu : chít ! chít ! chít !

GIẢI NGHĨA.

Chuột chi : Chuột con ; còn gọi là chuột nhắt nữa — *Nhát đầu* : tiếng chân thứ nhất đập xuống khung cửi — *Phần vì, phần vì* : một là nó sợ chuột chi, hai là nó nghe đã quen tai.

CÂU HỎI.

Ban đêm, cảnh vật thế nào ? — Trong nhà, người mẹ làm gì ? — Tại sao đứa con khóc ? — Bà nó làm gì cho nó nín ? — Tại sao đứa bé nằm yên ngủ ?

CHÍNH TẢ. — Chép bài trên.

Đứa con nhớn... chuột chi ạ.

Chữ khó viết. — (tĩnh) dậy, dọa (cháu) — Chít, chuột chi, cháu (tôi), (cắn) chân, (hàng) xóm.

Câu hỏi : 1 — Giải-nghĩa : dọa, chuột chi.

2 — Tại sao bà lại dọa cháu ?

3 — Thằng bé nghe dọa, có khóc nữa không ?

TẬP ĐỌC. — Mẹ chồng, nàng dâu.

Cơm nước dọn dẹp vừa xong thì trời tối mịt. Hai mẹ con, mẹ chồng và nàng dâu, ngồi hai bên phân. Chiếc đèn hoa kỳ để giữa. Trong ánh lơ mờ, chiếc hòm gian kê liền đấy trông to rộng quá. Còn những vật khác đều chìm trong bóng tối. Ba gian nhà rộng thênh thang và tịch mịch, lạnh lẽo. Tiếng thở đều đều của hai đứa trẻ ngủ trong chiếc màn nâu.

Mấy con chuột đuổi nhau rúc rích một lát rồi im bất như để làm tăng sự yên lặng của ban đêm.

Trần Tiêu

GIỌNG ĐIỀU

1. — Dọn dẹp ; giữa, gian. — Xong, sự. — Trời, trông, chiếc, chuột.
2. — Bắt chước : Cười rúc rích... rồi im bất. Thở đều đều.

GIẢI NGHĨA.

Tối mịt : tối lắm, không trông thấy gì nữa. — *Đèn hoa kỳ* : cho xem một cái đèn hoa kỳ. — *ôm gian* : thứ hòm có chân, rộng lớn, kê chặt một gian nhà.

CÂU HỎI

Trong nhà có mấy người ? Có những đồ vật gì ? Nhà này nghèo hay giàu ? Sao anh biết ? Ở thôn quê, ban đêm, thỉnh thoảng nghe thấy những tiếng động gì ?

CHÍNH TẢ. — Chép bài : Mẹ con bác Lê.

Bác Lê là một người đàn bà nhà quê chắc chắn và thấp bé, da mặt và chân tay nhăn nhiu như một quả trám khô. Ai cũng phải chú ý đến đám con của bác : mười một đứa mà đứa lớn mới có mười bảy tuổi. Đứa bé nhất hãy còn phải bế trong tay.

Theo Thạch-Lam

Chữ khó viết. — Chắc chắn, chân (tay), chú (ý). — Quả (trám), trong (tay), da (mặt).

Câu hỏi. — 1. — Giải nghĩa : chắc chắn, chú ý.

2. — Bác Lê hình dáng thế nào ?

3. — Tại sao người ta chú ý đến đám con bác ?

NGŨ VỤNG

Bài 1.— Công ơn cha mẹ.

BÀI GIẢNG

Cha mẹ tôi làm lụng để kiếm tiền **nuôi nấng** chúng tôi. Cha mẹ **may mặc** cho chúng tôi **quần áo** và **sắm sửa sách vở** cho chúng tôi ra trường học. Tháng trước em tôi ốm; cha mẹ tôi **săn sóc thuốc thang**, quên cả ăn ngủ. Công ơn cha mẹ tôi rất to, thật đúng với câu :

Công cha như núi Thái-Sơn.

Công mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

TẬP NÓI

Ai nuôi nấng em? Ai may quần áo cho em? Sách vở cần đến, em xin tiền ai để mua? Lúc em ốm đau, ai săn sóc thuốc thang cho em chóng khỏi? Công ơn cha mẹ em có to không? Cao lớn, rộng rãi như gì?

Bài 2.— Đối với mọi người trong gia-đình.

BÀI GIẢNG

Hảo là đứa trẻ **ngoan**. Nó **kính mến** cha mẹ, **vâng lời** cha mẹ. Hôm nọ, mẹ nó đi chợ về bị mưa, **cảm sốt**. Nó nghỉ học, ở nhà **hầu hạ** tử tế. Nó **lễ phép** với anh chị, **nhường nhịn** các em. Nó làm cho mọi người trong gia-đình đều được vui lòng.

TẬP NÓI

Hảo lành nết có khá không? Nó đối với cha mẹ thế nào? Tại sao mẹ nó cảm sốt? Nó hầu hạ thế nào? Nó đối với anh chị em thế nào? Mọi người trong nhà có ưa Hảo không? Tại sao?

TẬP LÀM VĂN

Bài 1.

Công ơn, thuốc thang.

Lo lắng.

Nuôi nấng, may mặc, sắm sửa.

Lấy những tiếng trên mà điền vào những chỗ chấm cho hợp nghĩa :

Kể sao cho xiết được...cha mẹ : nào...các con cho khôn lớn, nào...cho các con được lành lặn, nào...sách vở cho các con đi trường học. Rồi khi đau ốm, thì..., thì..., con mạnh khỏe mới lạ, yên lòng.

Bài 2.

Cha mẹ.

Ngoan, lễ phép, nhường nhịn, vâng lời, yêu mến.

Khen.

Lấy những tiếng trên mà điền vào những chỗ chấm cho hợp nghĩa :

Có một đứa con...như Hiếu thật cũng hả lòng, hả dạ ! Đối với ...thì bao giờ nó cũng...và... Đối với anh chị thì nó...; đối với em nhỏ thì nó.... Như thế thì hỏi ai không...là đứa bé ngoan ?



Tuần 3. — **HỢ HÀNG.**

HỌC THUỘC LÒNG. Hợp hàng.

Ai sinh ra mẹ cha ?
Trên có ông bà ta.
Bên nội và bên ngoại,
Nguồn gốc gần không xa.
Nội ngoại họ hai chi :
Chú thím cô cậu dì ;
Anh em con chú bác,
Tình nghĩa càng sấm si.

GIẢI NGHĨA

Tân-Đã

Ở đây bên họ với cha. Thí dụ : chú, bác, cô là họ bên nội. Bên ngoại : bà, họ, mẹ. Thí dụ : cậu, mợ, dì là họ bên ngoại. *Họ hai chi*: gia-đình vì một cây có hai ngành (tức là hai chi) : một ngành bên ngoại và một ngành bên nội. *Tình nghĩa càng sấm si* : tình nghĩa bên nội và bên ngoại càng sấm si như nhau.

CÂU HỎI

Ai sinh ra mẹ cha ? Họ bên cha là họ gì ? Họ bên mẹ là họ gì ? Kể những người bên nội — bên ngoại ? Tình nghĩa hai bên có giống nhau không ?

GIỌT MÀU ĐÀO HƠN AO NƯỚC LÃ

TẬP ĐỌC. — Chú tôi.

Chú Quang tôi lưu lạc ở hậu-phương thắm thoát đã bốn năm trời, từ ngày xảy ra chiến-tranh. Cha mẹ tôi hỏi đã nhiều mà vẫn không rõ tin-tức đích xác. Người này bảo có gặp chú tôi ở vùng Hà-nam; người kia lại nói chú tôi đã tản-cư lên tận Việt-Bắc. Cha tôi lo lắng vô cùng...

Thế mà bỗng nhiên, hôm qua, chú tôi hồi cư và tìm về nhà được. Cả nhà mừng rỡ quá! Bà tôi ôm chầm lấy con mà nức nở khóc. Chú tôi hơi gầy nhưng sương gió làm dần-dồi, mạnh-khỏe hơn xưa nhiều.

Kim-Liên.

GIỌNG ĐIỀU

1 — Chú, chiến, chầm — Sảy, sương — Xưa, xác — Rỡ.

2 — Bất chước bà : giờ hai tay ôm chầm lấy, nức-nở khóc.

GIẢI NGHĨA

Lưu lạc : nay ở chỗ này, mai ở chỗ khác. *Đích xác* : rõ-rệt. *Việt-Bắc* : vùng gồm những tỉnh như Lào-cai, Hà-giang, Bắc-cạn v.v. ở phía Bắc nước ta (Dùng bản đồ mà trở). *Sương gió* : ý nói chú tôi vất-vả, nay đây mai đó, dầm sương, dãi gió, chứ không được ở yên một chỗ.

CÂU HỎI

Chú em ở hậu phương từ bao giờ? Cha mẹ em có được tin-tức gì không? Người ta đồn thế nào? Chú em đã hồi cư chưa? Cả nhà có mừng rỡ không? Trông chú em nay khác xưa thế nào?

CHÍNH TẢ. — Chép bài trên. Câu đầu và đoạn 2.

Chữ khó viết: Trời, (chiến) tranh; xảy (ra), sương (gió); dần-dồi; (ôm) chầm, chú (tôi).

Câu hỏi: 1 — Giải-nghĩa : hậu phương, sương gió.

2 — Chú em ở đâu mới ra?

3 — Cả nhà có mừng rỡ không? Tại sao?

TẬP ĐỌC : **Cụ Bá**

Cả họ Nguyễn tôi - mà có lẽ cả làng Thịnh Hào tôi đều kính nể cụ Bá. Năm xưa, dân làng đói kém, cụ phát chẩn hàng tháng cho những người nghèo. Mấy năm nay, biết bao nhiêu người trong họ tôi ở hậu phương về, đều tìm đến Cụ : cụ giúp cho tiền bạc, quần áo ; cụ kiếm công việc cho mà làm. Với ai cũng vậy, không kể già trẻ, lớn bé, thân sơ, cụ đều hỏi han ân cần, dặn dò kỹ lưỡng.

Thật là một tấm lòng vàng hiếm có !

Vô-danh.

GIỌNG ĐIỆU

1 — Lẽ, là, lòng, làng ; năm nay - Dân, dặn dò - Già, giúp.

2 — Bất chước : giảng điệu kinh nê, hỏi han ân cần, dặn dò kỹ lưỡng.

GIẢI NGHĨA

Phát chẩn : phát không thóc, gạo, muối, quần áo... cho người nghèo thì gọi là phát chẩn. **Thân sơ** : quý mến nhau, nay đi lại, chuyện trò thế là thân, không năng gặp gỡ, không quý mến lắm, không có quyền lợi gì thế là sơ. **Tấm lòng vàng** : tấm lòng quý lắm (như vàng vậy).

CÂU HỎI

Cụ Bá là người thế nào ? Năm xưa, đói kém cụ đã làm gì ? Mấy năm nay, cụ giúp đỡ người trong họ những gì ? Mọi người đối với cụ ra sao ?

CHÍNH TẢ. — chép bài : Di Lan.

Di Lan tôi góa chồng từ khi còn trẻ. Di tôi ở vậy, thờ chồng nuôi con. Di tôi thật là một người đàn bà đảm đang. Một mình mà nào buồn ngược bần xuôi, nào trông nom vườn ruộng. Mỗi lần chị em gặp nhau, mẹ tôi vừa búi tóc thương xót, vừa tấm tắc khen thăm di Lan tôi.

Chữ khó viết : di (Lan) ; (ngược) xuôi, (thương) xót ; (còn) trẻ, chồng (con).

Câu hỏi : 1) Giải nghĩa : góa chồng, đảm đang.

2) Di Lan em có những đức tính gì ?

3) Mẹ em có quý gì Lan không ?

NGŨ VỤNG

Bài 1. — Anh chị em

BÀI GIẢNG

Tôi có bốn anh chị em. Anh tôi là con đầu lòng, năm nay đã mười bốn tuổi. Chị tôi mới lên mười. Anh chị tôi lớn hơn tôi. Em tôi lên hai, nó là con út, nó còn bé dại lắm. Anh tôi học lớp trên, tôi học lớp dưới ; em tôi chưa biết gì, nó chưa đi học.

TẬP NÓI

Em có mấy anh chị em ? Anh em là con thứ mấy ? Bao nhiêu tuổi ? Chị em đã lớn chưa ? Bao nhiêu tuổi ? Em của em lên mấy ? Nó lớn hay bé hơn em ? Nó đã đi học chưa ? Tại sao ?

Bài 2. — Họ hàng

Hôm nay nhà tôi có giỗ. Họ nội, họ ngoại đều đến đông đủ. Họ nội thì có chú Hải, bác Ninh, cô Thảo ; họ ngoại thì có cậu Sinh, mợ Chi, di Tuệ. Các người ấy đều ngang hàng với cha mẹ tôi. Đối với chú, bác, cô, di, cậu, mợ, tôi rất lễ phép và kính trọng.

TẬP NÓI

Tại sao họ nội, họ ngoại đến đông đủ ở nhà em ? Họ nội có những ai, em kể ra ? Họ ngoại có những ai, em kể ra ? Các người ấy ngang hàng với ai ? Em đối với các người ấy thế nào ?

Chú, bác, cô, dì, cậu, mợ.

Họ nội, họ ngoại.

Buôn bán, làm ruộng, thăm.

Lấy những tiếng trên này mà điền vào những chỗ chấm cho hợp nghĩa :

...., ..., ...là những người họ.... Họ...thì có..., ..., ... Họ nội tôi phần đông...ở tỉnh ; họ ngoại tôi phần đông...ở nhà quê. Cứ mỗi nghỉ hè, mẹ tôi lại dẫn tôi về quê...họ hàng một lần.

Bài 2.

Anh em, em bé, em gái.

Lớn, bé, chăm chỉ.

Học việc, đi học.

Lấy những tiếng trên này mà điền vào chỗ chấm cho hợp nghĩa :

Tôi mới có hai.... Anh tôi đã.... hiện đương...ở một nhà in. Anh tôi...lắm nên ông chủ rất bằng lòng. Tôi còn.... tôi đang.... Cuối năm này, tôi sẽ có.... Mẹ tôi mà sinh thì tôi thích lắm !



HỌC THUỘC LÒNG.- Chiều qua, thằng nhỏ..

Chiều qua thằng nhỏ xin ra.

Sáng nay, em phải nghỉ nhà thổi cơm

Nồi đồng thổi gạo tám thơm

Tình em háu đói, chát rơm bốn bề.

Không ngờ quá lửa thành khê,

Mẹ em nhiech mùi, then é cả người.

Em xin các bạn đừng cười,

Xưa nay em tỉnh vốn lười nấu ăn.

Hảo Chi.

GIẢI NGHĨA

Háu đói : đói và lại muốn có ăn ngay.- **Quá lửa** : to lửa quá.- **Nhiech** : mắng.-

Tám thơm : cho xem vài hạt gạo tám thơm.

CÂU HỎI

Tại sao thằng nhỏ xin ra ? Em nghỉ nhà làm gì ? Em thổi cơm bằng nồi gì ? gạo gì ? Như vậy đáng lẽ cơm thổi phải thế nào ? Thế tại sao lại thành khê ? Mẹ em có nói gì không ? Em có quen nấu ăn không ?

NGƯỜI Ở NÉT CÒNG.

TẬP ĐỌC.— Người lão bộc.

Người lão bộc, đầu tóc bạc phơ, nghe tiếng Mai vội vàng ra mở cổng. Con chó xồm trắng đã già yếu cũng chậm chạp bước theo sau, rồi lại gần Mai thông thả ve vầy cái đuôi lông rụng xơ-xác.

Mai giơ tay vuốt ve con vật và bảo người lão bộc:

— Tôi đói lắm, ông có gì cho tôi ăn không?

— Thưa cô, tôi đã thổi cơm chờ cô cùng ăn.

— Thế thì tốt lắm, chúng ta dọn cơm ăn cho xong bữa, tôi còn có câu chuyện bàn với ông đây.

Lão bộc nghe cô chủ nhỏ nói muốn bàn việc quan-hệ với mình thì lấy làm cảm-dộng, chân tay run lập-cập.

Khái-Hưng

GIỌNG ĐIỀU

1 — Lão, lông, lấy làm, lập --- chậm-chạp, chuyện, chân --- Xồm, xơ-xác, xong.

2 — Bất chước: cô Mai giơ tay vuốt ve con vật, lão bộc chân tay run lập-cập.

GIẢI NGHĨA

Lão bộc: người đầy tớ già. **Ăn cho xong bữa:** ăn mau chóng cho có bữa vì còn bận công việc. **Việc quan-hệ:** thí dụ bán cửa bán nhà, tậu ruộng nương... là những việc quan-hệ.

CÂU HỎI

Nghe tiếng Mai, người lão bộc làm gì? Con chó thấy chủ tỏ vẻ gì? Người lão bộc có sẵn sàng đến chủ không? Mai nói với người lão bộc một cách thế nào?

CHÍNH TẢ.— Chép bài trên.

Câu đầu và « Tôi đói lắm... ông đây.

Chữ khó viết: Chờ (cô), chúng (ta), (câu) chuyện. Xong (bữa), dọn (cơm)

Câu hỏi: 1 — Giải-nghĩa: lão bộc, bạc phơ.

2 — Người lão bộc đối với chủ thế nào?

3 — Cô chủ đối với lão bộc thế nào?

TẬP ĐỌC.— Chị sen.

Chị sen làm hết cả công việc trong nhà, náo gánh nước, bở củi, làm cơm, đầu tắt mặt tối suốt ngày mà vẫn bị mắng chửi. Vì bà Cả là người to tiếng và lắm điều. Không lúc nào hàng xóm không nghe thấy tiếng bà the thé và rít lên, chửi chó mắng mèo hay bới móc chị Sen. Vô phúc cho chị mà nói lại. Tức thì bà Cả nhẩy lên, hai hàm răng nghiến vào nhau, vừa thét, vừa chửi. Những lúc ấy, các người hàng xóm, nghe tiếng bà, lại thì thầm bảo nhau: --- Gớm! sao ác nghiệt thế!

Theo Thạch-Lam.

GIỌNG ĐIỀU

1 — Làm, làm, là, lại, lên, lúc --- Sen, sao; suốt, xóm --- Răng, rít.

2 — Bất chước: tiếng the thé, rít lên, thì thầm.

GIẢI NGHĨA

Đầu tắt mặt tối: làm việc suốt ngày, không lúc nào được nghỉ ngơi. **Lắm điều:** hay nói lời thôi. **Ác nghiệt:** bắt chị Sen làm việc suốt ngày, không lúc nào cho nghỉ-ngơi, thế là ác; tiền công trả ít, sẵn tay đánh đồ, đánh vồ gì lại bắt đền, thế là nghiệt.

CÂU HỎI

Chị Sen làm những việc gì trong nhà? Bà Cả có bằng lòng không? Tại sao? Bà Cả là người chủ tính nết thế nào? Hàng xóm có ưa bà không? Tại sao biết?

CHÍNH TẢ.— Chép bài: Thím Kẹo.

Thím Kẹo thò ngón tay trở vào mang con cá mà bác Xả đem biếu, nói:

— Gỏi với ghém gì! Bà tôi lại đến bở vào nồi kho ăn làm vài bữa. Thím Kẹo không có ý gì nói xấu bà Chánh. Thím vốn thực thà trung hậu. Thím ở hầu bà Chánh đã chín mười năm trời, vất vả thế nào cũng chịu được.

Chữ khó viết.— (Tay) trở, (nói) xấu, (trung) (hậu), chín (mười), bà Chánh, bác Xả.

Câu hỏi.— 1.) Giải nghĩa: biếu, mang cá (về ra), trung hậu.

2.) Thím Kẹo là người thế nào?

3.) Thím Kẹo nói chuyện với ai?

NGŨ VỤNG

Bài 1.— Cách xưng hô.

BÀI GIẢNG

Ngọc nói năng rất lễ phép. Cha mẹ gọi, nó dạ ; cha mẹ bảo, nó vâng. Khi nó nói với cha mẹ, bao giờ nó cũng : thưa cha, thưa mẹ. Anh chị hỏi gì, nó cũng : thưa anh, thưa chị rồi mới trả lời. Nó xưng anh với các em. Nó không bao giờ dùng tiếng mày tao trong nhà.

TẬP NÓI

Ngọc nói năng có lễ phép không ? Cha mẹ gọi, nó đáp thế nào ? Cha mẹ bảo, nó trả lời ra sao ? Khi nó nói với cha mẹ, nó dùng tiếng gì ? Nó nói với anh chị nó cách nào ? Đối với các em nó xưng gì ? Nó có dùng tiếng mày tao bao giờ không ?

Bài 2.— Tình cảm.

BÀI GIẢNG

Hôm nọ, Thạch theo chú về quê mấy hôm. Tối đến, nó nhớ nhà quá. Nó nhớ cha mẹ và anh chị em ở nhà. Nó chần chọc mãi không ngủ được. Nó chỉ mong chóng được ra tỉnh, chóng được về nhà, để gặp mặt cha mẹ và chơi đùa với anh em. Đi có vài ba hôm mà nó tưởng như vắng nhà đã hàng tháng !

TẬP NÓI

Hôm nọ Thạch theo chú về quê làm gì ? Tối đến nó có nhớ nhà không ? Sao nó chần chọc không ngủ được ? Nó mong chóng được ra đâu ? Để làm gì ? Nó đi vắng bao lâu ? Mấy ngày đó đối với nó chóng hay lâu ?

TẬP LÀM VĂN

Bài 1.

Phép tắc, mày tao chỉ tớ.

Gọi dạ, bảo vâng, nói trống không, thưa gửi.

Lấy những tiếng trên mà điền vào chỗ chấm cho hợp nghĩa :

Con nhà có...thì ai...phải..., ai bảo gì, phải.... Khi nói với ai điều gì, thì phải...cho tử tế. Đứa trẻ nói...là đứa trẻ hư ; đứa trẻ nói...là đứa trẻ thô tục.

Bài 2.

Công việc, cha mẹ, anh em.

Xa nhà, buồn rầu.

Nhớ, quyến luyến.

Lấy những tiếng trên mà điền vào chỗ chấm cho hợp nghĩa :

Mỗi khi có...gì phải..., sao mà tôi... ; tôi thấy...cha mẹ anh em quá. Khi trở về nhà, sống cạnh..., gần..., tôi thấy vui vẻ và sung sướng lắm. Thế mới biết lòng tôi...gia đình biết bao !



GIẢI TRÍ và TẬP NÓI.

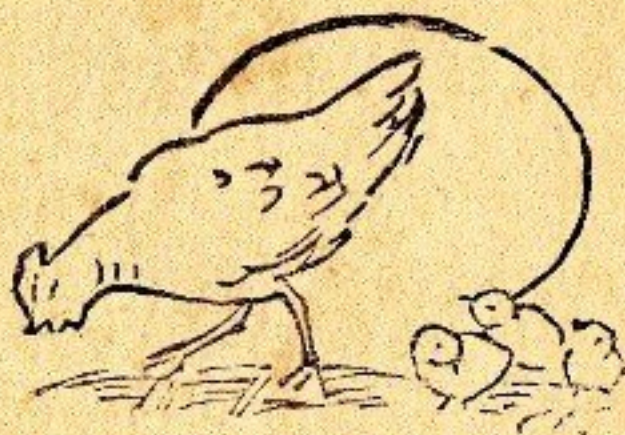
Nói lại chuyện « Gà mẹ và gà con » trong bài ngụ ngôn dưới đây :

GÀ MẸ và GÀ CON.

Bên góc trại có đôi gà nọ,
 Cùng anh em trong họ ngoài làng.
 Ngày ngày từ sáng tinh sương,
 Cùng nhau bới cỏ liềm phương kiếm mồi.
 Vì tư lợi, lời thôi ganh tị,
 Một bữa kia âm ỹ đánh nhau.
 Trận xong hai cậu cùng nhau,
 Mất công, mất việc, chẳng câu cú gì.
 Gà mẹ biết tức thì trách mắng:
 «Gớm ! hai con tranh sức tranh tài !
 Khôn ngoan đã đáp người ngoài.
 Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau».

Đạm-Quang.

GIẢI NGHĨA : Sáng tinh sương : mới tờ mờ sáng. - Liềm phương : tìm cách. - Kiếm mồi : kiếm con sâu bọ, hạt thóc gạo để ăn. - Vì tư lợi : vì lợi riêng ; thí dụ : con này muốn giữ ăn một mình, không cho con kia. - Chẳng câu cú gì : chẳng ích lợi gì



THÁNG MỘT

Chinh đề III.- **THÂN THỀ.**

Tuần 1.— **THÂN THỀ.**

HỌC THUỘC LÒNG.- Tuổi niên thiếu.

Nay đang lúc đầu xanh tuổi trẻ,
 Trời phú cho mạnh khỏe tay chân.
 Việc ta, ta cứ chuyên cần,
 Quyết đem tài chí, lập thân sau này.
 Rồi vùn vụt đến ngày tuổi tác,
 Đến khi tóc bạc, da mồi;
 Vuốt râu ôn lại sự đời,
 Đời ta đầy đủ, thành thời tự hào.

Tú Mỡ

GIẢI NGHĨA

Đầu xanh : lúc trẻ, tóc mần xanh. Vậy lúc đầu xanh là lúc tuổi trẻ. **Trời phú cho :** trời ban cho. **Chuyên cần :** Chăm chỉ làm việc. **Vùn vụt :** nhanh chóng lắm. **Tự hào :** tự mình cho là sung sướng vì đã làm được việc có ích lợi.

CÂU HỎI

Khi tuổi trẻ, thân thề chúng ta thế nào ? Chúng ta phải làm gì ? Khi tuổi già, thân thề chúng ta thế nào ? Trẻ mà làm việc, già có vui sướng không ? Bài này khuyên ta gì ?

SỨC DÀI VAI RỘNG

TẬP ĐỌC.— Anh Năng

Thân thể anh cao, nhón vạm-vỡ. Đầu anh húi kiêu móng lừa, để lộ một vầng trán rộng và cao. Hai mắt anh xếch, lúc nào cũng lấp lánh những tia sáng chói lọi như của mặt trời buổi bình-minh mùa hạ. Cằm anh rộng và vuông, nhọn nhui, hơi hếch về phía trước. Cánh tay anh đầy những bắp thịt cứng như sắt. Lồng ngực anh thây lầy hai cái vú nắn thịt. Bắp đùi anh phía dưới thon-thon, phía trên nở rộng trông giống bộ đùi của con ngựa thi.

Theo Nguyễn-Hồng.

GIỌNG ĐIỀU

1 — Lúc nào, lấp lánh, nắn thịt, thây lầy, nở rộng — Trán rộng, mặt trời, phía trước, phía trên — Xếch, sáng, sắt — Rộng, giống

GIẢI NGHĨA

Vạm vỡ: to ngang — Húi kiêu móng lừa: vẽ ra — Mắt xếch: vẽ ra —

Buổi bình minh: lúc mặt trời mới mọc.

CÂU HỎI

Thân thể anh Năng thế nào? Đầu anh húi kiêu gì? Trán anh cao hay thấp? Mắt anh có sáng không? Cằm anh thế nào? Anh đã có râu chưa? Chân tay anh thế nào? Em có ước ao có được một thân hình như anh Năng không?

CHÍNH TẢ.— Bài trên. Thân thể... mùa hạ.

Chữ khó viết: (cái) trán, chói (lọi), (mặt) trời, (mắt) xếch, (tia) sáng.

Câu hỏi: 1 — Giải-nghĩa: húi kiêu, móng lừa (vẽ ra), mắt xếch (vẽ ra)

2 — Anh Năng có phải hạng thanh-niên yếu đuối không?

3 — Em đoán xem anh có thông-minh không?

TẬP ĐỌC.— Tuyết cắt cỏ.

Cánh đồng rộng mênh mông. Một làn sa mù mỏng là là trên mặt đất. Tuyết đang cặm cũi cắt cỏ. Nàng ngồi xồm, một chân soãi đưa đà, tay phải cặm liềm thoăn thoắt vạc cỏ. Thân hình nàng từ từ rung chuyển theo đà cái liềm cong bán nguyệt lên xuống đều đều. Nàng khẽ hát:

“ Tay cặm bán nguyệt xênh xang,
Một trăm ngọn cỏ lại hàng tay ta ”

Và nàng nghĩ đến một bà cung phi ngày trước lúc hàn vi cũng đi cắt cỏ thế này.

Theo Chu-Thiên.

GIỌNG ĐIỀU

1.- Nàng, này; là, là là, liềm, lên, lại, lúc. Trên, trăm, trước; chân, chuyển. Tuyết, nguyệt.

2.- Bất chước; ngồi xồm, một chân soãi, thoăn thoắt vạc cỏ, thân hình từ từ rung chuyển.

GIẢI NGHĨA

Rộng mênh mông: rộng lắm. Sa mù: còn gọi là sương mù. Bán nguyệt: vẽ một cái liềm cho biết là nửa hình tròn. Xênh xang: thông thả, ung dung. Cung phi: vợ vua từ vị thứ hai trở xuống. Hàn vi: nghèo đói; đây nói lúc còn ở nhà chưa lấy vua.

CÂU HỎI

Tuyết ngồi cắt cỏ ở đâu? Dáng điệu thế nào? Cái liềm bằng gì? Tuyết hát câu gì?

CHÍNH TẢ.— Dân chài.

Một đám dân chài đang khiêng một cái thuyền lên bãi cao. Sáu người từ mười bảy, mười tám tới ngoài ba mươi, lực lưỡng, mập mạp, da sẫm đều và bóng như màu gỗ lim lên nước, cùng gò sức cố nhấc bổng cái thuyền mảnh lên bằng ba cái đòn tre già và những dây thừng to.

Khái-Hưng

Chữ khó viết.— Dân (chài), da (sẫm), dây (thừng) — (Gò) sức — Tre (già).

Câu hỏi.— 1.- Giải nghĩa: lực lưỡng, thuyền mảnh.

2.- Mấy người dân chài làm gì?

3.- Họ khiêng thuyền bằng gì?

NGŨ VỤNG

Bài 1.— Thân thể.

BÀI GIẢNG

Bạn tôi bằng tuổi tôi, nhưng thân thể anh **đầy** hơn tôi một chút. Trên đầu anh, **mớ** tóc đen nhánh chải rất gọn ghẽ. Da anh **ngăm ngăm** đen vì anh hay chơi ngoài nắng. **Tứ** chi anh **mập mạp** và **cứng cáp** tỏ ra anh thích thể thao. **Ngực** anh **phồng**, **bụng** anh **thót**, trông khỏe mạnh nhất lớp.

TẬP NÓI

Bạn em và em, ai **đầy** hơn? Tóc anh màu gì? Có **để** bù lên không? Da trắng hay đen? Tại sao lại **ngăm ngăm** đen? **Tứ** chi có **mập mạp** **cứng cáp** không? Tại sao? **Ngực** anh thế nào? **Bụng**? Người như vậy có khỏe mạnh không?

Bài 2.— Mắt và tay.

BÀI GIẢNG

Tôi vào hiệu sách. **Mắt** tôi **trông** thấy những quyển sách xanh đỏ bày trong tủ kính. Tôi **ngắm** các bức tranh đủ màu: bức vẽ các loài thú dữ, bức vẽ cỏ cây. Tôi **liếc** nhìn tủ bên cạnh, thấy đủ cả bút thước và đồ chơi. Tay tôi **sờ** **mó** và **nắm** viên bi thủy tinh, thấy nó **dẫn** và **nhẵn**. Tôi **cầm** lấy cái thước có gạch phân, ly, thấy nó **ráp**. Mua xong bi và thước, tôi **móc** túi lấy tiền trả nhà hàng.

TẬP NÓI

Trong hiệu sách, **mắt** em **trông** thấy gì? Em **ngắm** **nhía** những gì? **Liếc** sang bên cạnh, em thấy gì? Tay em **sờ** **mó** và **nắm** gì? Viên bi ấy thế nào? Em **cầm** lấy gì nữa? Thước đó thế nào? Em **móc** túi làm gì?

TẬP LÀM VĂN

Bài 1.

Mập mạp, hồng hào — **Cây gò, xanh xao** — **Cứng cáp** — **Nở, thon** — **Khoẻ mạnh**.

Lấy những tiếng trên này mà điền vào chỗ chấm cho hợp nghĩa:

Hầu mới ốm khỏi nên thân thể anh...và... Bạn anh là Sáu rất thích thể thao; thân thể anh...và... Chân tay anh rất...; ngực anh...; bụng anh... Trông anh thật là...và nhanh nhẹn, ai cũng thích

Bài 2.

Mắt, tay.

Ráp, nhẵn, dẫn, mềm.

Trông, nhìn, liếc, ngắm; nắm, sờ, cầm, sờ mó.

Lấy những tiếng trên này mà điền vào chỗ chấm cho hợp nghĩa:

Người ta có...**để**...**để**...**để**...**để**... Khi...**mắt** lại thì thấy tối tăm, **mờ** **mịt**. Khi...**mắt** ra thì thấy **phổ** **xá** **dòng** **dục**, **cây** **cỏ** **xanh** **tươi**. Người ta có...**để**...các đồ vật. Lấy tay...**mới** **biết** **được**...**hay** ...**hay** ...



Tuần 2. — TUỔI TÁC.

HỌC THUỘC LÒNG. — **Mai sau.**

Mai sau người mẹ của tôi
 Lưng còng, tóc bạc, da mồi, già đi.
 Đưa tay ngan lệ trong mi.
 Tôi thưa: Mẹ chớ lo gì cho con.
 Bà y giờ trắng đã rất tròn.
 Con làm nuôi mẹ, trở ơn sinh thành.

Nguyễn-Ngọc.

GIỌNG ĐIỀU

Bắt chước: lưng còng, đưa tay ngan lệ trong mi.

GIẢI NGHĨA

Da mồi: các cụ già da có nổi những vết hung hung đỏ như đôi mồi (nếu có một miếng đôi mồi, mang cho trẻ xem). *Lệ:* xem bài tập đọc: anh Phan-tin. *Trắng đã rất tròn:* ý nói con đã lớn, đã là người khôn lớn. — *Ơn sinh thành:* ơn cha mẹ đẻ ra (sinh) và nuôi mình khôn lớn nên người (thành).

CÂU HỎI.

Mai sau này, mẹ em hình dáng thế nào? Lúc đó, trông thấy mẹ già, sao em lại khóc? Em sẽ thưa với mẹ thế nào? Cha mẹ già, ta có bổn phận gì?

TRỌNG GIÀ, GIÀ ĐỂ TUỔI CHO.

TẬP ĐỌC. — **Thằng Ngọc-Anh.**

Thằng Ngọc-Anh béo tròn và trắng như hòn bột, khác hẳn với các trẻ ở làng đen như củ sùng. Hai mắt đen nhánh, trong vắt. Nó cười nhiều hơn là khóc. Ai bồng bế nó cũng được.

Mẹ nó ẵm nó ở trên ngực để tay chân nó được tự-do. Hai tay nó cào không khí một cách vụng-về, hai chân nó đạp lung-tung.

Người ta chuyển nó từ tay người này sang tay người khác, hòn hit nó mãi. Nó thấy chán, nó thấy đói, nó òa lên khóc. Tức thì mẹ nó nằng niu nó, dỗ nó, ru nó ngủ.

Theo Nguyễn-dân-Giám.

GIỌNG ĐIỀU

1 — Nó này, nằng niu — Tròn, trắng, trong, tròn — Chán, chuyển.

2 — Bắt chước thằng bé: hai tay cào không khí, hai chân đạp lung tung —

Nằng niu.

GIẢI NGHĨA.

Củ sùng: cây sùng mọc ở đầm, củ đen nhánh to bằng hột — *Đen nhánh:* cho xem mắt đen nhánh của một người học trò — *Trong vắt:* như trên.

CÂU HỎI.

Đứa bé này trắng lắm, tác-giả ví nó như gì? Trái lại, những đứa trẻ khác trong làng đen xấu, tác-giả ví những đứa này như gì? Các em thường ru em bé ngủ: thử hát và làm điệu bộ khi ru em.

CHÍNH TẢ. — *Bài trên:* **Thằng Ngọc Anh... lung tung.**

Chữ khó viết: (béo) tròn, trắng, (các) trẻ, trong (vắt) — (tay) chân — (Củ) sùng.

Câu hỏi: 1 — Giải nghĩa: tay chân tự-do, vụng-về.

2 — Thằng Ngọc Anh xấu hay đẹp?

3 — Mẹ nó ẵm nó thế nào? Tại sao?

TẬP ĐỌC. Một ông lão.

Ông đội nón dừa đen chớp bạc. Mặt tròn như chiếc bánh dày dăm cười. Hai mắt lồi trăn tráo nhìn. Hai má quá đầy nhúng nhính chảy xuống cổ, ấn hai tai bạt ra đằng sau gáy. Thân người to béo một cách nặng-nề. Mười ngón tay gồ-gề như mười củ khoai lang treo lủng lẳng ở đầu hai cánh tay ngắn ngủi. Ông mặc áo the rộng thùng-thình, lúc đi hai vạt áo xoè ra. Đôi giầy của ông bị dè bẹp nặng quá, lún tuốt vào dưới hai bàn chân to tướng.

Theo Nguyễn-dân-Giám.

GIỌNG ĐIỀU

- 1 — Nặng-nề, nặng quá — Nón dừa — Chớp, chiếc, chân — Trơn, trăn tráo.
2 — Bật chước; trăn tráo nhìn — Trỏ cho xem: tai bạt ra đằng sau, rộng thùng thình, vạt áo xoè ra, cái chớp nón, cái nón dừa.

GIẢI NGHĨA.

Ấn hai tai: đẩy hai tai. — Lún tuốt vào: lún lút cả vào, không còn trông thấy nữa.

CÂU HỎI

Ông cụ già nói trong bài có đẹp lão không? Người ông thô ở những chỗ nào? Ông có nhanh nhẹn không? Ông mặc có gọn ghẽ không?

CHÍNH TẢ.— Một cô gái quê.

Lê nhấc tấm phen che cửa bước ra sân; một vể bờ ngõ thoáng qua trên gương mặt thơ ngây mơn mớn. Lê hít mạnh làn gió thơm đưa từ xa lại những tiếng chim ríu rít. Cặp mắt hung hung trong suốt mở to, như thâu lấy cảnh sắc rực-rỡ.

Lan-Khai.

Chữ khó viết: Che (cửa), chim (rừng) — Trong (suốt), cả rực-rỡ

Câu hỏi: 1 — Giải-nghĩa: thơ ngây, thâu lấy; rực-rỡ.

— Tại sao làn gió lại có mùi thơm?

— Gió đưa từ xa lại những tiếng gì?

NGŨ VỤNG

Bài 1.— Tai.

BÀI GIẢNG

Tôi có con chó đặt tên là Vả. Nó có hai tai trắng như bông. Vành tai nó to và vênh. Tai nó thính lắm. Ban đêm, nó thường nằm sát đất và lắng tai nghe nên tiếng động to hay khẽ, nó đều nghe rõ cả. Lần khi có người lạ vào, nó sủa ầm ỹ điếc cả tai.

TẬP NÓI

Chó của em tên là gì? Sao lại gọi nó là Vả? Tai nó màu gì? Vành tai nó thế nào? Tai nó có thính không? Sao đêm nó thường nằm sát đất để làm gì? Nó có nghe rõ các tiếng động không? Có người lạ vào nó sủa ầm ỹ, nghe thế nào?

Bài 2.— Mũi và mồm.

BÀI GIẢNG

Bữa cơm, tôi ngồi cạnh mâm: mũi tôi ngửi thấy mùi đồ ăn thơm ngào ngạt. Tôi và cơm cùng các thức ăn vào mồm. Tôi ăn thịt lợn thấy béo, ớt thấy cay, dưa thấy chua; tôi nếm nước mắm thấy mặn. Cơm xong, tôi ăn tráng miệng bánh đường thấy ngọt. Trong bữa cơm, cha mẹ tôi vừa ăn, vừa nói chuyện vui vẻ.

TẬP NÓI

Bữa cơm, mũi em ngửi thấy mùi đồ ăn thế nào? Em ăn thịt lợn thấy thế nào? Ớt? Dưa? Nếm nước mắm thấy thế nào? Cơm xong em có ăn tráng miệng không? Ăn gì? Bánh đường vị gì? Trong bữa cơm, cha mẹ em vừa ăn hay nói chuyện vui vẻ?

TẬP LÀM VĂN.

Bài 1.

Thính, âm âm, điếc.

Nghe rõ, lắng tai.

Lấy những tiếng trên này mà điền vào chỗ chấm cho hợp nghĩa :

Tôi...tai lăm ; tôi...cả những tiếng nói thầm. Khi thầy giáo giảng bài, tôi...nghe. Có nhiều người điếc, tiếng...cũng không nghe thấy. Em tôi hay nghịch, có lúc nó reo và thét...cả tai.

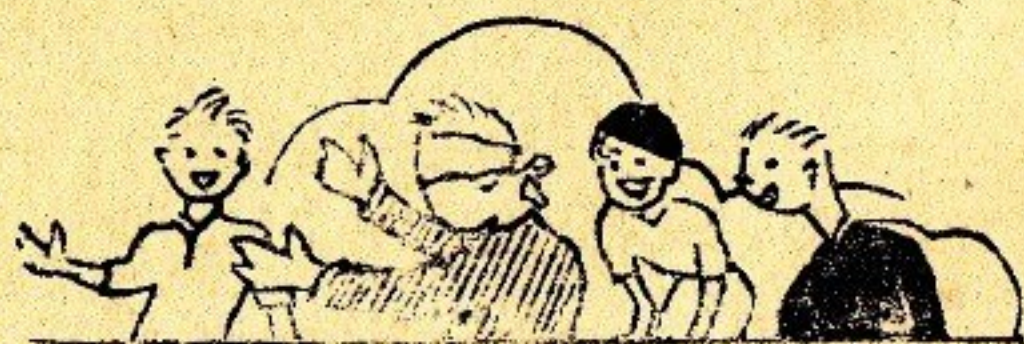
Bài 2

Chua, hôi hám, thối.

Nói chuyện, cần, ngủi.

Lấy những tiếng trên này mà điền vào chỗ chấm cho hợp nghĩa :

Tôi lững thững trong vườn, ... thấy mùi ngọc lan...ngát, nhẹ cả người. Ra đến bờ ao, có đồng rúc...khó chịu quá, tôi phải rảo bước ra chỗ cây khế. Tôi ngắt một quả...thấy...ghê cả răng. Đang lúc đó, gặp em bé tôi chạy ra bị bò....



Tuần 3. — THỂ THAO.

HỌC THUỘC LÒNG. — Nhảy !

Nhảy ! nhảy ! nhảy ! Chúng ta cùng nhảy !

Nhảy lấy dài, nhảy lấy thật cao !

Nhảy dây, nhảy hố, nhảy sào.

Nhảy đi ! Chớ để lúc nào ngồi chán.

Nhảy ! nhảy ! nhảy ! cho thân cứng cỏi.

Cho cẳng chân dấn dỏi, dẻo dai.

Giữa đường gặp bước chông gai,

Kém gì tập luyện khó bài vượt qua.

Nam-hương

GIỌNG ĐIỀU

Một em đọc chậm chạp, rõ ràng, đến đầu những đoạn 1 và 2, cả lớp đồng thanh nói : «nhảy ! nhảy ! nhảy !» như một điệp khúc trong bài hát.

GIẢI NGHĨA

Nhảy hố : nhảy qua một cái hố đào sâu xuống đất. *Nhảy sào* : chống một cái sào mà nhảy qua một thanh gỗ ngang đặt cao. *Ngoi chân* : nghỉ chân. *Bước chông gai* : sự khó khăn, nguy hiểm. *Khó bài* : khó lòng.

CÂU HỎI

Có mấy cách nhảy ? Nhảy dây thế nào ? (Cho học trò thử nhảy dây) Nhảy hố thế nào ? Nhảy sào thế nào ? Ta tập nhảy để làm gì ? Bài này khuyên em gì ?

MẠNH CHÂN, KHỎE TAY.

TẬP ĐỌC.- Trường thể-dục.

Trường thể-dục đã đào tạo ra những nhà quân quân về nhảy cao, nhảy sào, chạy mau, về quần vợt, bóng tròn. Trường còn phải luyện nên những người khỏe khoắn, nghĩa là những người không ốm đau, không yếu đuối, không mập béo nặng nề, không gãy gò giờ xương. Những người khỏe khoắn là những người có bộ tiêu hóa sạch sẽ, có quả tim đều đặn, có hai lá phổi nở nang, có cái ngực cân đối, có cái bụng thon thon, nước da hồng hào.

Theo Khái-Hưng

GIỌNG ĐIỀU

- 1- Dục, đã—trường, tròn—xương, sạch sẽ.
- 2- Trỏ cho xem: cái ngực cân đối, cái bụng thon thon, nước da hồng hào.

GIẢI NGHĨA

Đào tạo: luyện nên. **Nhà quân quân**: người được giải nhất sau khi đã đánh bại những người khác. **Bộ tiêu hóa sạch sẽ**: bộ tiêu hóa gồm có răng, thực quản, dạ dày, ruột (đúng tranh vẽ mà trỏ cho xem) - sạch sẽ là ý nói không có giun, sán; ăn uống dễ tiêu.

CÂU HỎI

Ở trường thể-dục, ta tập tăng những gì? Tập cốt để làm gì? Một người khỏe thân thể phải thế nào? Em có thích được như thế không? Muốn vậy, các em phải làm gì ngay từ bây giờ?

CHÍNH TẢ.— Bài trên.

Trường thể-dục phải luyện nên... hồng hào.

Chữ khó viết:- Giờ (xương), xương (thịt), sạch sẽ, thể (dục).

Câu hỏi:- 1— Giải nghĩa: cân đối, hồng hào (cho xem).

2— Thế nào là một người khỏe khoắn.

TẬP ĐỌC.— Thú vui của hưởng đạo.

Hưởng đạo còn mang đến cho ta những thú vui về thể chất nữa. Còn gì vui-vẻ, hoạt-dộng hơn là những buổi cắm trại ở ven rừng hay góc biển trong những ngày nghỉ? Những lúc ấy, ta thấy mình sống một đời bình-dị, trẻ-trung hoàn-toàn tự-lập và ngoài hẳn cái khuôn khổ chật-hẹp của thành-thị, để hưởng những làn không-khi thơm mát, dịu-dàng của rừng biển.

Vì đó mà tâm-hồn ta mát-mẽ, thân-thể ta mạnh-mẽ, lòng phấn đấu của ta bùng lên.

Theo Phạm-văn-Bính.

GIỌNG ĐIỀU

1— Nữa: lúc, lập, làn, lòng, lên— Trẻ trung, thể chất, chật hẹp, cắm trại— Dịu dàng.

GIẢI NGHĨA

Hưởng đạo: cho xem một cái ảnh chụp một đoàn hưởng đạo. **Thể chất**: thuộc về thân-thể. **Đời bình-dị**: đi cắm trại thì nằm trên cỏ, thổi cơm ở giữa trời, ăn rau ăn đậu... **Thế là sống đời bình-dị**. **Phấn đấu**: hết sức tranh nhau hơn kém, được thua.

CÂU HỎI

Các em đã thấy những hưởng-đạo-sinh chưa? Họ ăn mặc thế nào? Ngày nghỉ họ đi cắm trại ở đâu? Kể qua một buổi cắm trại mà các em đã dự.

CHÍNH TẢ.— Tập thể thao.

Những người năng tập thể thao chân tay mập-mạp, đi đứng hùng-dũng, trông thật là xứng đáng con người. Còn người nào mà lười biếng, không chịu luyện-tập thì hình thù mảnh-khảnh, đi bước không vững, gió thổi mạnh có thể xiêu đổ đi được. Như thế thì lấy sức đâu mà làm được những việc khó-nhọc ở đời?

Trần-trọng-Kim.

Chữ khó viết: Xứng (đáng). Xiêu (đổ), sức (khỏe), (lùng) dũng, gió (thổi).

Câu hỏi: 1— Giải-nghĩa: hùng-dũng, hình thù.

2— Người tập thể thao và người không tập thể thao thân thể khác nhau thế nào?

NGŨ VỤNG

Bài 1.— Cử động của chân.

BÀI GIẢNG.

Chủ nhật, học xong, Liêu đi chơi. Liêu đi **thong thả** ngoài phố. Hai bên vệ đường, kẻ đi người lại **tấp-nập**. Có người tay cắp rổ hay xách bị, **rảo bước** tới chợ. Các cậu bé **chạy nhảy** nô đùa. Có cậu trèo lên bậc cửa, **kiễng chân** nhìn vào các tủ kính trong bày nhiều thứ đồ chơi. Có cậu vừa **đá hòn gạch**, vừa **nhảy lò cò**.

TẬP NÓI

Chủ nhật, Liêu đi chơi đâu? Liêu đi thế nào ở ngoài phố? Hai bên đường, Liêu trông thấy gì? Những người cắp rổ hay xách bị đi đâu? Tại sao lại đi rảo bước? Các cậu bé có đứng yên một chỗ không? Muốn xem đồ chơi bày trong tủ kính, các cậu ấy làm thế nào? Các cậu không xem đồ chơi thì làm gì? Em thử nhảy lò cò.

Bài 2.— Cử động của đầu.

BÀI GIẢNG

Em tôi lên một. Nó được cái bánh, nó cười và **gật đầu**. Tôi giơ tay xin nó một miếng, nó **lắc đầu** và không cho. Bỗng đồng hồ treo trên tường đánh chuông. Doong! Doong! Nó **ngẩng đầu** lên và lắng tai nghe. Đầu nó **lắc lư**, lúc **ngoảnh sang bên phải**, lúc **ngoảnh sang bên trái**, không lúc nào để yên.

TẬP NÓI.

Em bé được cái bánh, nó làm gì? Gật đầu như thế là có bằng lòng, có thích không? Em xin một miếng, nó có gật đầu nữa không? Nghe đồng hồ đánh chuông, đầu nó thế nào? Em em có mấy khi để yên đầu không?

TẬP LÀM VĂN

Bài 1.

Kiễng chân, đi rón rén, chạy, nhảy, đá bóng.

Lấy những tiếng trên này mà điền vào chỗ chấm cho hợp nghĩa :

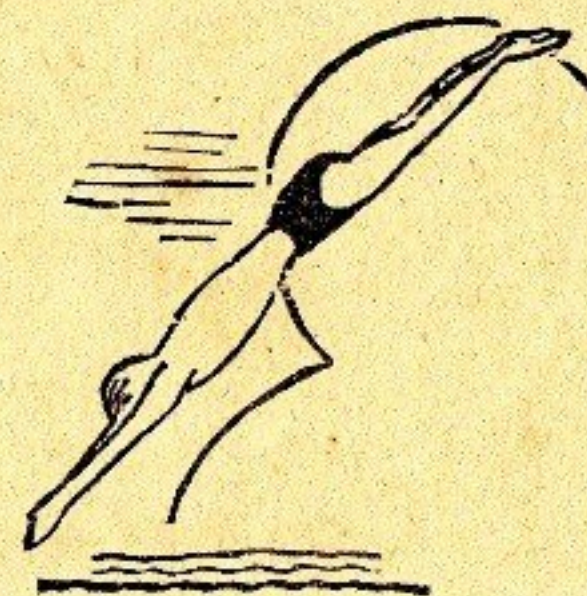
Buổi sáng, tôi dậy sớm, tôi đi...cho em tôi khỏi thức giấc. Giờ thể thao tôi...và...ở sân trường. Có khi tôi được...bóng. Học trò con gái hay chơi...dây. Em tôi bé lắm, nó phải...mỏi với tôi mặt bàn.

Bài 2.

Ngoảnh, cúi, ngẩng, gật, lắc.

Lấy những tiếng trên này mà điền vào chỗ chấm cho hợp nghĩa :

Anh Lực đang nói chuyện với các bạn ở sân. Bằng lòng thì anh...đầu, không ưng ý thì anh...đầu. Lúc anh lại...xuống, hình như suy nghĩ rồi lại...lên nhìn bạn mà nói. Anh...nhìn người bên phải, ...nhìn người bên trái, chẳng để yên cái đầu mấy khi.



Tuần 4.— BỆNH TẬT.

HỌC THUỘC LÒNG.— Phải năng vận động.

*Ăn được, ngủ được là tiên,
Không ăn, không ngủ mất liền thêm lo.
Mấy nhời khuyên nhủ học trò :
Những người khoẻ mạnh đều nhờ thể thao.
Muốn cho da thịt hồng hào,
Các môn thể dục ngày nào cũng chuyên.
Học xong ta chờ ngồi yên,
Phải chăm vận-dộng mới nên người hùng.*

Mai Hoàng

GIẢI NGHĨA.

Ăn được, ngủ được là tiên : ăn được, ngủ được thì thật là sướng, sướng như tiên vậy. *Mất liền* : nếu không ăn, không ngủ được, tất là trong mình có bệnh tật gì ; thế là phải tìm thầy, tìm thuốc tổn tiền. *Vận động* : đi lại, chạy, nhảy, đá bóng, đánh quần...thế là vận động.

CÂU HỎI

Ăn được, ngủ được có sướng không ? Không ăn, không ngủ được thì buồn thế nào ? Những người khoẻ mạnh là nhờ ở cái gì ? Vậy muốn cho da thịt hồng hào phải làm gì ? Ta có nên ngồi học ru rú cả ngày không ?

ĂN ĐƯỢC, NGỦ ĐƯỢC LÀ TIỀN

TẬP ĐỌC.— Người đàn bà mù.

« Giàu bằng hai con mắt... ông bà bố thí cho kẻ bán hán... » Không ngày nào tôi không gặp con người tàn tật ấy. Một làn da đen xám nhẵn nhịu bọc lấy cái khuôn mặt xương xương. Hai gò má thì nhô lên như hai trái núi ; cặp mắt thì lõm xuống như hai cái vực sâu. Cặp mắt ấy ngày nay đã kéo màng trắng xóa và bệnh mù đã làm dần dần nhỏ lại, nên ta trông nó chỉ như hai cái lỗ con hoạt-dộng.

Một nắm xương khô ngoài phủ manh áo rách với chiếc áo tơi, đó là hình ảnh người đàn bà ăn mày.

Theo Hy-Dân.

GIỌNG ĐIỀU

Đen xám, xương xương, lõm xuống ; vực sâu — Giàu nghèo, da đen —
Nào, nay, lõm, lên, lầy, lẩn.

GIẢI NGHĨA

Giàu bằng hai con mắt : người ăn mày thường kêu : giàu hai con mắt, khó hai bàn tay. *Bố thí* : một người ăn mày đến xin, tôi mang cho bát gạo : tôi bố thí cho người đó. *Bán hán* : nghèo túng đói rét. *Tàn tật* : người mù, người điếc, người què... là những người tàn-tật. *Màng* : một lớp thật mỏng như cái gậy bông quần thuốc lá, cái màng trong võ trứng.

CÂU HỎI

Bà lão ăn mày đi đứng thế nào ? Kêu ca thế nào ? Hình dáng bà ta ra sao ? Quần áo có lành lặn không ?

CHÍNH TẢ.— Bài trên : Giàu bằng... vực sâu.

Chữ khó viết : Giàu (nghèo) ; da (mặt) ; xương xương, (lõm) xuống, (đen) xám ; (vực) sâu ; (trái) (núi) ;

Câu hỏi : 1 — Giải-nghĩa : tàn-tật (thí dụ), xương xương.

2 — Người đàn bà này phải tật gì ?

3 — Thân hình thế nào ?

TẬP ĐỌC.— Nhà thương làm phúc.

Tôi đã có vào nhà thương làm phúc một lần. Bà khán hộ rất yêu tôi. Bà bảo rằng: « Con thè lưỡi cho ta xem nào ». Bà lại lấy tay sờ trán tôi, cái tay mềm mại làm cho tôi quên mọi sự khổ-sở. Rồi bà nói: « Xót thay cho thằng bé này! »

Tôi nghe cái giọng nhân-tử ấy thì nước mắt tôi lại ràn-rụa như mưa. Có lẽ tôi cho nhà thương làm phúc là nơi sung-sướng, chờ ai nên cười. Thật thế, từ khi mẹ tôi mất, tôi không còn được nghe cái tiếng thân yêu ấy nữa.

Vô-danh.

GIỌNG ĐIỀU

1 — Bất chước: Thè lưỡi (cho bà khán hộ xem), sờ tay lên trán, giọng, nhân từ.

2 — Nào, nói, này, nước, nên, nữa — Lăn, lưỡi, lại, lấy, làm, là — Sờ, sờ, sung-sướng — Ràn-rụa.

GIẢI NGHĨA

Nhà thương làm phúc: nhà thương cho người nghèo, nằm không mất tiền — Bà khán hộ: người chăm nom người ốm — Xót thay: thương thay.

CÂU HỎI

Trong nhà thương làm phúc có những hạng người ốm nào? Bà khán-hộ đối đãi với thằng bé thế nào? Tại sao thằng bé khóc? Tại sao nó lại cho nhà thương làm phúc là nơi sung-sướng?

CHÍNH TẢ.— Cậu bé ốm.

Màn buông sùm-sụp: Cậu bé lim lìm ở trên giường, chần chừ kín, người chỉ hờ có một cái đầu. Máu da xanh nhợt; quanh mắt có hai cái quầng thâm. Bà mẹ ngồi đầu giường; thắc thỏm luôn, thỉnh-thoảng lại để tay ấm vào trán con hay ghé đầu xuống nghe con thở.

Hồng-Thạch.

Chữ khó viết: Sùm sụp, (da) xanh, lên (xuống) — Chần chừ, cái trán — Ghé — Giường.

Câu hỏi: 1 — Giải-nghĩa: lim lìm, quầng thâm.

2 — Tại sao cậu bé đắp chân?

3 — Bà mẹ để tay vào trán con làm gì?

NGŨ VỤNG

Bài 1.— Tắm rửa

BÀI GIẢNG

Giời nóng quá! Học xong, Ất đi tắm mát. Ất múc nước dội khắp mình, rồi kỳ cọ thật kỹ từ cổ đến gót chân. Xong Ất lại dội nước sạch một lần nữa. Ất lấy khăn mặt khô lau mình cho thật ráo rồi mới mặc quần áo. Tắm xong, Ất thấy trong mình khoan khoái lắm.

TẬP NÓI

Ất học xong, đi làm gì? Lúc bắt đầu tắm, Ất làm thế nào? Tại sao Ất lại kỳ cọ thật kỹ từ cổ đến chân? Kỳ cọ bằng gì? Kỳ cọ xong, Ất làm gì? Ất có mặc ngay quần áo không? Nếu mặc ngay quần áo sẽ ra sao? Tắm xong, Ất thấy trong mình thế nào?

Bài 2.— Xỉa răng đánh răng

BÀI GIẢNG

Cơm xong, Tám lấy khăn lau mồm. Rồi anh lấy một cái tăm tre để xỉa răng. Anh cọ răng bằng đầu to và lấy đầu nhỏ gầy những mẩu đồ ăn rất ở kẽ răng. Xong anh súc miệng và uống nước. Sáng, Tám lấy thuốc và bàn chải, đánh răng thật kỹ. Anh kỳ cọ hai hàm răng cả trong lẫn ngoài.

Hai hàm răng, Tám sạch và bóng như ngà.

TẬP NÓI

Cơm xong, Tám lau mồm bằng gì? Xỉa răng bằng gì? Tám cọ răng bằng đầu nào? Gầy các mẩu đồ ăn bằng đầu nào? Xỉa răng xong, anh làm gì? Sáng dậy, anh làm gì? Kỳ cọ hai hàm răng thế nào? Răng anh có đẹp không?

TẬP LÀM VĂN

Bài 1.

Nước, gạo, hòn đá kỹ, ghét bẩn, quần áo.

Sạch, khô, khoan khoái.

Tắm rửa, rồi.

Lấy những tiếng trên này mà điền vào những chỗ chấm cho hợp nghĩa :

Muốn khỏe mạnh, ta phải năng.... Tôi mức...bằng.... Tôi... nước khắp mình và kỹ cọ bằng hòn...cho...bong ra. Tôi rồi một lần nước...nữa, tôi lau mình bằng khăn mặt.... rồi tôi mặc....

Tắm xong tôi thấy....

Bài 2

Bàn chải răng, thuốc đánh răng, hàm răng.

Thơm, hăng hắc, thơm tho.

Rửa mặt, đánh răng.

Lấy những tiếng trên mà điền vào những chỗ chấm cho hợp nghĩa :

Buổi sáng, trước khi..., Hùng..., Anh nhúng...vào nước và quệt một ít.... Thuốc...và.... Anh xúc miệng rồi đánh răng : anh kỹ cọ thật kỹ hai.... Xong anh lại xúc miệng nhiều lần : mồm anh...dễ chịu.



GIẢI TRÍ và TẬP NÓI

1.— Nói lại chuyện «Hai thằng ăn trộm với con lừa» trong bài ngụ ngôn dưới đây.

2.— Đọc bài ngụ ngôn dưới đây với giọng điệu thích hợp.

HAI THẰNG ĂN TRỘM VỚI CON LỪA.

(Đọc thông thả, rõ ràng)

Vị con lừa, của vừa ăn trộm,

Hai đứa giơ đánh lộn cùng nhau.

(Tay trái đơng giơ ra, kéo mạnh về phía người, tỏ ý giữ lại không bán)

Thằng này muốn để về sau,

(Tay phải từ phía người đẩy mạnh ra, tỏ ý muốn bán cho mau) rồi bỏ tiền vào túi.

Thằng kia muốn bán cho mau lấy tiền.

(Đọc to)

Khi hai cậu huyên thiên ẩu đả.

(Nhắm tay lại, hăng hái.- Giơ chân đá mạnh mẽ)

Anh đâm đau, anh đá cũng già

(Nhẹ nhàng, tỏ ý lên lút)

Xây thằng ăn cắp thứ ba,

(Đọc to tiếng «phồng» rồi dẩu lừa chạy)

Ở đâu lại phồng lừa ta tàu liền.

Nguyễn-văn-Vĩnh.



THÁNG CHẠP
Chính đề IV. - QUẦN ÁO

Tuần 1. — **QUẦN ÁO TA, QUẦN ÁO TÂY.**

HỌC THUỘC LÒNG. Trên đường lấy lợi

Hôm nay trời lại mưa phùn,
Đường em đi học lấy bùn khô chưa!
Trên đầu không nón che mưa,
Có đôi guốc vệt lại vừa dứt quai.
Tay em che vạt áo dài,
Một tay xách guốc xốc hai ống quần.
Bùn sâu đến mắt cá chân,
Sách em ấp ngực mấy lần chực rơi.
Xa xa, trống đã điểm hồi,
Em còn dò dẫm ngoài trời gọi mưa.

Trung Phương

ĐIỀU BỘ

Bắt chước dáng điệu cô bé đi dưới trời mưa, tay che vạt áo dài, tay xách guốc và xốc hai ống quần, sách ấp ngực - dò dẫm.

GIẢI NGHĨA

Đường lấy lợi: trời mưa, đường đầy bùn và nước. - *Guốc vệt*: cho xem một chiếc guốc vệt. - *Dò dẫm*: đi chậm, vừa đi vừa sợ ngã vì đường lồi và trơn.

CÂU HỎI

Mưa phùn là mưa thế nào? Khi mưa phùn, đường xá ra sao? Em bắt chước dáng điệu cô bé đi dưới trời mưa - Cô bé này con nhà nghèo hay giàu? Sao biết?

ĐÔI CHO SẠCH, RÁCH CHO THƠM

TẬP ĐỌC. — Cai Tứ.

Khi Cai Tứ mặc ta, đầu đội khăn xếp, chân đi giầy gia đình, bit tất trắng thì người ta có thể lầm lẫn với một tay lại già thâm-hiền. Còn những khi lão đi đầu như đi ăn khách, cai Tứ hay diện tây, mũ rộng vành, quần vôi vôi, áo cũn cốn, thì ai thoát nhìn cũng biết ngay lão là một tay thần mỏ hay hợm của.

Theo Lan-Khai.

GIONG ĐIỀU

Lầm, lẫn, lại, là --- Giầy gia đình, lại già; diện tây --- Khăn xếp --- Rộng vành ---

GIẢI NGHĨA

Khăn xếp: đưa cho xem hay vẽ cho xem một cái khăn xếp. *Giầy gia đình*: cũng vậy. *Lại*: người làm việc giúp các quan như huyện. *Thâm hiên*: có nhiều mưu mẹo hai người mà bề ngoài vẫn nói cười béo lẻo. *vành*: chỉ cho xem cái vành mũ. *Quần vôi vôi*: quần ống hẹp và dài như vôi con vôi. *Áo cũn cốn*: áo tây ngắn quá, trông rất buồn cười. *Hợm của*: khoe mình giàu sang một cách vụng-về đáng ghét.

CÂU HỎI

Khi Cai Tứ mặc ta thì mặc những gì? --- Lúc đó trông hắn ra hạng người nào? --- Khi diện tây, hắn mặc những gì? --- Lúc đó trông hắn ra hạng người nào? --- Hắn dùng quần áo có đắt tiền không? Nhưng có lịch-sự không? Tại sao?

CHÍNH TẢ. --- Bài trên: Những khi... hợm của.

Chữ khó viết: (Cai) Tứ, (mặc) tây; diện (tây), (mũ) rộng.

Câu hỏi: 1 -- Giải-nghĩa, ăn khách, hợm của.

2 -- Cai Tứ mặc tây trông có đẹp không?

3 -- Thay 2 tiếng « ta, tây » trong mặc ta, mặc tây bằng 2 tiếng khác.

TẬP ĐỌC : Quần áo mới.

Bác Xá sắm cho Mít một cái váy lụa cap xanh, một chiếc dây lưng thiên-lý, một chiếc áo tứ thân vải nâu non và một chiếc quần trúc bầu trắng nõn. Thằng Chốc, thằng cu Nhớn, thằng cu Con, mỗi đứa được một chiếc áo chùng nâu xẫm và một chiếc áo vải thô. Còn về phần bác, bác chỉ may một cái váy bằng vải ruộm vỏ xó, ngả bùn dây cạp như mo nang. Người ta có kêu thì bác trả lời gọn lỏn :

— Ôi chao ! làm lưng vất vả suốt năm, là lượt lắm cũng phi đi thôi.

Trần-Tiêu.

GIỌNG ĐIỀU

Nâu non, mo nang, năm.- Lụa, lưng, lý, lời, lỏn, làm lưng, là lượt lắm.- Xanh, xó.- Trúc, trắng.-

GIẢI NGHĨA

Cạp : chỉ cho xem cái cạp quần.- Thiên lý : cho xem màu thiên lý (màu da trời xanh ngả vàng).- Áo tứ thân : cho xem cái áo tứ thân (vải cả, vải con, 2 miếng sau dẫu sống với nhau).- Vải thô : vải dệt bằng sợi to.- Là lượt : ý nói quần áo mỏng manh, đắt tiền mà không bền.

CÂU HỎI

Bác Xá sắm cho Mít những thứ gì ? Những quần áo ấy màu sắc gì ? Bác đã sắm cho ba đứa con gái những gì ? Bác may gì cho bác ? Tại sao bác Xá không sắm quần áo đắt tiền ?

CHÍNH TẢ : Trẻ nhà quê.

Nhiều đứa nhỏ, cái đầu mới cạo hôm trước ẩn dưới chiếc mũ tây rộng vành, để thò cái chòm ra đằng sau gáy, dài xuống đến lưng. Chúng lúng túng trong chiếc áo dài mới, ngơ ngác nhìn xung quanh, một tay niu lấy người lớn dẫn đi, tay kia nắm chặt quyền vắn quốc ngữ.

Đỗ-đức-Thu

Chữ khó viết.- Chiếc (mũ), (nắm) chặt ; (trên) dưới, (áo) dài, dẫn (đi).- Xung (quanh)-

Câu hỏi : 1.- Giải nghĩa : cái chòm (vẽ ra) lúng túng.

2.- Học trò nhà quê đầu tóc có gì lạ ?

3.- Chúng ăn mặc thế nào ?

NGŨ VỤNG

Bài 1.— Các thứ áo.

BÀI GIẢNG

Tôi mặc một cái áo lót mình cộc tay gọi là áo may-ô. Ngoài áo lót mình là một cái áo cánh may kiểu sơ-mi, nhưng tay ngắn và có hai túi. Mùa nực, khi đi chơi ông tôi mặc một cái áo dài bằng lụa trắng. Mùa rét, ông tôi mặc áo kép, ngoài phủ áo bông. Cậu tôi có cái áo ba-đờ-suy bằng da rất ấm.

TẬP NÓI

Áo lót mình là áo gì ? Áo cánh thì dài hay ngắn ? Áo cánh thường có mấy túi ? Áo dài thường may dài tới đâu ? Áo kép và áo bông thì mặc vào mùa nào ? Tại sao gọi là áo bông ? Áo ba-đờ-suy thì bằng gì ? Mặc ba-đờ-suy có ấm không ?

Bài 2.— Các thứ quần.

BÀI GIẢNG

Khi tập thể thao, tôi mặc một cái quần đùi ngắn chưa tới đầu gối. Tập xong, tôi mặc ra ngoài một cái quần soóc bằng vải vàng. Chủ nhật, đi chơi, tôi mặc quần dài, ống quần tới mắt cá chân. Ở cạp quần đùi có dải rút ; quần soóc và quần dài có thắt lưng. Thắt lưng bằng vải hay bằng da.

TẬP NÓI

Khi tập thể thao, em mặc quần gì cho gọn ghê ? Quần đùi thì ngắn tới đâu ? Quần soóc dài hay ngắn hơn quần đùi ? Quần dài thường may dài tới đâu ? Ở cạp quần đùi có gì để giữ quần ? Quần soóc và quần dài ? Thắt lưng thường làm bằng gì ?

TẬP LÀM VĂN

Bài 1.

Trả lời những câu hỏi sau đây (ngữ vựng) :

- 1.— Quần đùi : tại sao gọi thế ?
- 2.— Một cái quần có mấy phần ? Kể ra.
- 3.— Thắt lưng dùng để làm gì ?
- 4.— Một cái áo cánh có mấy phần ? Kể ra.
- 5.— Túi dùng để làm gì ?

Bài 2.

Trả lời những câu hỏi sau đây (tập đọc) :

- 1.— Bác Xã sắm cho Mít những quần áo gì ?
- 2.— Bác sắm cho các con gái những gì ?
- 3.— Về phần bác, bác may những gì ?
- 4.— Ai hỏi, bác trả lời ra sao ?
- 5.— Xem cách sắm sửa quần áo, em đoán tình bác thế nào ?



Tập 2.— GIẤY, DÉP, NÓN, MŨ.

HỌC THUỘC LÒNG.— Đi chùa Hương.

Hôm nay đi chùa Hương,
Hoa cỏ mờ hơi sương.
Cùng thầy mẹ em đây,
Em vẫn đầu soi gương.
Khăn nhỏ đuôi gà cao,
Em đeo dải gấm đào,
Quần lĩnh, áo the mới ;
Tay cầm nón quai thao.
Mẹ cười : « Thấy nó trông !
Chun đi đôi dép cong,
Con tôi xinh xinh quá !
Bao giờ có lấy chồng ? »

Nguyễn-nhược-Pháp.

GIẢI NGHĨA

Đuôi gà : (vẽ ra) mở tóc vẫn thừa ra ngoài khăn, như đuôi con gà. **Yếm đào** : (cho xem màu hoa đào) : yếm bằng lụa màu hoa đào. **Nón quai thao** : vẽ ra. **Dép cong** (vẽ ra). Dép cong (mũi cong lên), nón quai thao (có tua tết bằng chỉ) là những thứ đẹp, nón của đàn bà, con gái ngày xưa.

CÂU HỎI

Chùa Hương ở đâu ? Vào tháng nào thì có hội ? Tại sao hoa cỏ có sương ? Cô con gái đi lễ chùa với ai ? Kể qua cách ăn mặc của cô ? Cô ăn mặc theo lối cũ hay mới ? Mẹ cô khen thế nào ?

CHÂN GIẤY, CHÂN DÉP

TẬP ĐỌC.— Quần áo lính.

Chút vận binh phục: Mũ « cát » vàng, quần áo « kaki » nít vào người. Chiếc dây da có khóa đồng bóng sáng như vàng, thắt ngang lưng làm cho bộ ngực nở sẵn của Chút càng nở thêm. Đôi giày « săng đá » da dầy, gót đánh, nện xuống đường gạch cồm cộp. Đôi xà cạp nỉ màu lá ủa quần chặt lấy bắp chân, làm tăng vẻ lạnh lện, cứng cáp của Chút. Cái « túi dết » vải vàng đeo từ vai bên nọ xuống háng bên kia. Chút đi theo kiểu nhà binh, bước những bước dài gấp rưỡi bước thường.

Trần-Tiêu.

GIỌNG ĐIỀU

1 — Nít, nở, nện, nỉ — Dây da, cồm cộp, lạnh lện, cứng cáp — Mũ cát, săng đá, túi dết.

2 — Bắt chước: Nện gót xuống đường gạch cồm cộp — Đi theo kiểu nhà binh — Đeo từ vai bên nọ xuống háng bên kia (dùng một cái cặp sách và một cái dây lưng giả làm túi dết).

GIẢI NGHĨA

Binh phục: quần áo lính — *Mũ cát*: vẽ ra — *Giày « săng đá »*: giày của lính làm bằng da dầy, đế đóng đinh — *Xà cạp*: cho xem — *Túi dết*: cho xem.

Dùng một cái tranh vẽ người lính để trở các phần trong một bộ binh phục.

CÂU HỎI

Chút mặc quần áo kiểu gì? Mũ màu gì? Quần khác quần em mặc thế nào? Thắt lưng của Chút có gì lạ? Đôi giày của Chút thế nào? Chân quần gì? Túi dết để đựng gì? Dáng điệu đi thế nào?

CHÍNH TẢ.— Bài trên: Chút vận... cồm cộp.

Chữ khó viết: Chút, chiếc — Giầy, dây, da dầy — Săng (đá), (bóng) sáng — Xuống (gạch).

Câu hỏi: 1 — Giải-nghĩa: *Binh phục*, cái khóa (cho xem), giày săng đá.
2 — Chút vận binh phục có đẹp và khỏe không?
3 — « Vận » binh phục. Thay tiếng vận bằng tiếng khác.

TẬP ĐỌC.— Ông đồ.

Trên con đường đất nhỏ hẹp, gồ-gề, ngoằn-ngoèo như như con rắn, một người đàn ông cầm đầu rảo bước. Người ấy mặc một chiếc áo the thâm thùng-thình và cũ rích, một tay xách chiếc khăn gói bằng vuông vải tây điều, một tay cắp chiếc ô ta vào nách. Chiếc quần cháo lòng xăn ống cao ống thấp phò ra được là nhờ những cơn gió bắc thổi tạt tạt áo sang một bên. Đôi giày ta sờn mép chỉ dùng trong những ngày công việc, nằm ép gót vào nhau, thò mũi ra khỏi quần.

Trần - Tiêu

GIỌNG ĐIỀU

1 — Ngoằn-ngoèo, gồ-gề — Rảo bước, cũ rích, con rắn — Nách, nằm — Lòng, là.

2 — Bắt chước: rảo bước, cắp vào nách, nhét vào cặp quần, đôi giày nằm ép vào nhau, mũi giày thò ra ngoài.

GIẢI NGHĨA

Thùng thình: vừa rộng, vừa dài. *Cũ rích*: cũ lắm. *Vải tây điều* (cho xem): vải đỏ. *Quần cháo lòng*: quần trắng bần màu như nước cháo lòng. *Gió bắc*: gió lạnh.

CÂU HỎI

Ông đồ đang đi ở đâu? Người ấy mặc áo gì? Quần gì? Tay xách cái gì? Tại sao giày không đi lại nhét vào cặp quần? Ông đồ nói trong bài là hạng người giàu hay nghèo?

CHÍNH TẢ.— Quần áo tang.

Mờ sáng hôm sau, cất đám bà Cụ. Tiếng trống, tiếng kèn, tiếng khóc át hẳn mọi tiếng ồn ào khác.

Mình mặc áo xô, thắt lưng dây chuối, đầu đội mũ rơm, tay chống gậy vông, Khái con bà Cụ đi dật lùi dật trước lìn-heừu dật trên bộ đòn sơn son thếp vàng.

Nguyễn-khắc-Mẫn.

Chữ khó viết: (Tiếng) trống, (dây) chuối, chống (gậy), (đầu) mũ rơm, (hôm) sau, sơn son.

Câu hỏi: 1 — Giải nghĩa: át hẳn, bộ đòn.
2 — Khái ăn mặc những gì?
3 — Anh ấy đi thế nào?

NGŨ VỤNG

Bài. — Khăn, mũ, nón, ô.

BÀI GIẢNG

Hôm nay nhà tôi có cỗ; ông tôi mặc áo dài và **đội khăn lượt** rất chỉnh tề. Người có trở thì **đội khăn trắng**. Chị tôi hay **đội nón chóp lá**. Mùa nực, tôi thường **đội mũ bắc lợp vải trắng**. Mùa rét, tôi **đội mũ nời** hay **mũ dạ** cho ấm. Hôm nào trời mưa, tôi **che ô** cho khỏi ướt.

TẬP NÓI

Cái khăn của ông em bằng gì? Người có trở **đội khăn** màu gì? Nón làm bằng gì? Chóp nón **thế nào**? Mùa nực em **đội mũ** gì? Mùa rét? Cái ô dùng để làm gì? Ô lợp bằng gì? Chỗ tay cầm ô gọi là gì?

Bài 2. — Giày, dép, guốc.

BÀI GIẢNG

Ở nhà, tôi đi **đội guốc** gỗ có **quai da**. Lúc đi học, tôi đi **đội dép cao xu** trắng rất nhẹ và êm. Mẹ tôi có **đội dép nhung** đen cao **gót**. Mùa hè, người ta hay đi **giày vải trắng** cho mát. Mùa rét, đi **giày da** thì ấm. Giày da đắt tiền nhưng **bền hơn** giày vải. Giày hồng, tôi thuê bác thợ giày đi **rong vá** hay **đóng lại** để.

TẬP NÓI

Guốc làm bằng gì? Có **quai** gì? Dép cao-xu đi có **nặng không**? Đàn bà hay đi **dép gót** cao hay thấp? Mùa hè đi **giày** gì thì mát? Mùa rét ai **giày** gì thì ấm? Giày vải có **đắt tiền** bằng **giày da** không? Có **bền như** giày da không? Khi **giày** em hỏng, em làm **thế nào**?

TẬP LÀM VĂN.

Bài 1.

Trả lời những câu hỏi sau đây (ngữ vựng):

- 1 — Tại sao gọi là mũ nời?
- 2 — Cái mũ trắng có mấy phần? Kể ra.
- 3 — Đi dép cao xu tiện lợi những gì?
- 4 — Người thợ giày làm những công việc gì?
- 5 — Em giữ gìn giày em thế nào?

Bài 2.

Trả lời những câu hỏi sau đây (tập đọc)

- 1 — Chút vắn quần áo gì?
- 2 — Anh **đội mũ** và **mặc quần** gì?
- 3 — **Thắt lưng** của anh khác **thắt lưng** của em **thế nào**?
- 4 — **Bắt chân** quần gì? **Chân** đi **giày** gì?
- 5 — Trên vai, anh **đeo** gì?



Tuần 3.— **VÀI LỤA**

HỌC THUỘC LÒNG.— **Đi chùa Hương** (bài nói)

...Em đi cùng với mẹ.
 Mẹ em ngồi cang tre.
 Thầy theo sau cưỡi ngựa,
 Thất lưng dài đỏ hoe.
 Thầy mẹ ra đi dò.
 Thuyền nhấp nhô bên bờ
 Em nhìn sóng nước chảy,
 Đưa cánh buồm lô nhô.

Nguyễn-Nhược-Pháp

Giải nghĩa

Cang: vế ra; cang là cái vồng có mũi để đi đường trường — *Đỏ hoe*: đỏ lấm, đỏ rực rỡ — *nhấp nhô*: khi lên, khi xuống vì nước dập dềnh — *Lô nhô*: nghĩa cũng gần giống như nhấp nhô, nhưng nói đến những vật cao như cột buồm, ngọn cây, nóc nhà.. *Cánh buồm*: vế ra.

Câu hỏi

Hai mẹ con đi chùa bằng cách nào? Ông bố? Ông thất lưng màu gì? Ra đến bờ sông, cả gia đình xuống đâu? Trên sông nước, cô bé nhìn thấy gì?

ĐỒNG THE HÈ DỤP

TẬP ĐỌC.— Đi ăn cưới.

Mấy ông chú bác ở nhà quê lại được phen ra tỉnh phố cái áo lương bạc vai và đôi giày lê bụi. Mấy bà dì, bà thím vừa đến nơi là ra vại rửa chân, xỏ vào đôi dép một quai rồi đi ngay xuống bếp.

Nhất là mấy cô em họ thì cái mừng được đi ra tỉnh hiện rõ ra mặt: các cô xúng xính áo the đôi vai, váy đen, thất lưng sồi nhuộm màu lá lúa. Các cô nhìn ngang nhìn ngửa rồi đứng trước cái gương to, tháo khăn vuông « ba ga » ra, chít lại khăn nhiễu tam giang, ngắm nghía lấy làm tự đắc.

Từ-Ngọc.

GIỚI THIỆU

1 — Xỏ vào, xuống bếp, xúng xính — Đôi giày, tam giang; đôi dép — bà dì — Ngắm nghía

2 — Bất chước: nhìn ngang nhìn ngửa, ngắm nghía lấy làm tự đắc.

GIẢI NGHĨA

Áo lương, thất lưng sồi, khăn vuông ba-ga khăn nhiễu tam giang: cho xem các thứ hàng lương, sồi, ba-ga, nhiễu. *Xúng xính*: ý nói mặc áo vừa dài, vừa rộng. *Tự đắc*: tự bằng lòng mình lắm.

CÂU HỎI

Mấy ông chú bác mặc áo gì? Mấy bà dì, bà thím chân đi gì? Tại sao các bà đi ngay xuống bếp? Mấy cô em họ mặc những quần áo gì? Các cô có lấy làm bằng lòng không? Tại sao các cô nhìn ngang nhìn ngửa rồi mới dám soi gương?

CHÍNH TẢ.— Bài trên: Mấy cô em họ... tự đắc.

Chữ khó viết: (Hiện) rõ, ra (mặt) — Xúng xính; sồi — Chít (khăn) — (Tam) giang.

Câu hỏi: 1 — Giải-nghĩa: áo đôi vai, nhìn ngang nhìn ngửa.

2 — Màu lá lúa là màu gì?

3 — Các cô em họ được ra tỉnh có mừng không? Tại sao?

TẬP ĐỌC. — **Dệt vải.**

Chị Xà ngồi xuống khung cửi, vặn chặt chốt cho căng mặt vải, nâng cao gò, lấy bôi tóc chải cho sạch bừa. Hai tay cầm « khỗ » nâng lên đập xuống mấy cái, hai chân dận đi dận lại, bàn đập như anh tài xế soát lại máy trước khi cho ô-tô chạy.

— À, thảo nào! Hòn ngòi vẫn kẻ ở bên chân phải. Ai làm thế nào mà nó lại bật ra được!

Nàng đứng dậy kẻ lại chân khung cửi, rồi lại ngồi vào bắt đầu dệt, trước còn thông thả nhất một, sau nhanh dần, đều đều như cái máy tốt.

Theo Trần-Tiêu.

GIẢI NGHĨA

Ngồi xuống, tài xế, soát lại, cho sạch — Dận đi dận lại, nhanh dần — Dệt vải — Chặt chốt, hai chân.

GIỌNG ĐIỀU

Dệt vải: Cho xem một cái tranh vẽ khung cửi và chỉ: cái chốt, cái gò, bôi tóc, bừa, khỗ, bàn đập, thoi vv... *Soát lại:* xem lại kỹ lưỡng (soát lại bài chính tả xem có sót lỗi không) *Nhất một:* mỗi lần dận xuống khung, hay mỗi lần ném thoi.

CÂU HỎI

Trước khi dệt, chị Xà làm gì? — Khung cửi có dệt được không? Tại sao? Lúc trước, chị Xà dệt có nhanh không? Tại sao?

CHÍNH TẢ. — Trang điểm.

Mít thẳng xong bộ cánh, vuốt đi vuốt lại dải lưng thiên lý. Rồi Mít móc ở túi áo cộc trắng lộ trong chiếc áo tứ thân màu nâu non, một cái gương nhỏ. Nàng cầm gương lọt trong bàn tay giờ ra soi, cúi đầu xuống, ngừng đầu lên và khẽ nhếch môi nụ cười sung-sướng.

Trần-Tiêu.

Chữ khó viết: (Thẳng bộ) xong, (cúi) xuống; sung-sướng — dải (lưng)

Câu hỏi: 1 — Giải-nghĩa: thẳng bộ cánh, vuốt (thử làm)

2 — Cô Mít mặc những quần áo gì?

3 — Cô có làm dáng không? Sao biết?

NGŨ VỤNG

Bài 1. — **Vải lụa.**

BÀI GIẢNG.

Gần Tết, mẹ tôi đưa tôi vào hiệu may quần áo. Tôi thấy một người thợ đang khâu một cái quần trúc bầu trắng. Một người khác đang đơm khuy vào những cái áo dài bằng lụa mờ gà hay bằng the thâm. Một cái áo sa tanh hoa đã khâu xong và treo trong tủ.

Tôi thích nhất cái áo gấm lam có chữ thọ, nhưng mẹ tôi lại may cho tôi cái áo đoạn lông lảnh, cũng đẹp.

TẬP NÓI

Gần tết, mẹ em đưa em đi may quần áo ở đâu? Trong hiệu thợ may, em thấy thợ đang làm gì? Vải trúc bầu màu gì? Lụa mờ gà là màu gì? Tại sao gọi là the thâm? Áo sa tanh có hoa không? Bây giờ còn nhiều người mặc áo gấm nữa không?

Bài 2. — **Giặt giũ.**

BÀI GIẢNG

Quần áo tôi đã bẩn, tôi thay quần áo rồi ngâm vào chậu nước. Tôi xát sà-phòng vào quần áo, vò thật mạnh cho sạch ghét và mồ hôi. Xong, tôi rũ quần áo vào chậu nước trong; tôi rũ vài lần cho hết sà phòng và vò thật kỹ. Tôi phơi quần áo ra nắng độ vài giờ thì khô. Tôi là quần áo cho phẳng. Thế là tôi lại có một bộ quần áo trắng tinh để thay đổi.

TẬP NÓI

Khi quần áo em bẩn, em có còn mặc nữa không? Em ngâm quần áo vào đâu? Em xát gì vào quần áo? Em vò thế nào? Bọt sà phòng màu gì? Trông có đẹp không? Vò xong em làm gì? Tại sao em vò kỹ quần áo? Muốn cho quần áo chóng khô, em phơi ở đâu? Em là quần áo bằng gì? Quần áo là thật nóng ích lợi những gì?

TẬP LÀM VĂN

Bài 1.

Trả lời những câu hỏi sau đây (ngữ vựng) :

- 1 — Kể vài thứ hàng thường dùng em thấy ở cửa hàng thợ may?
- 2 — Người thợ may dùng những gì để đo, cắt, khâu?
- 3 — Xát sà phòng vào quần áo để làm gì?
- 4 — Giặt quần áo có hồ lơ có đẹp hơn không?
- 5 — Là quần áo có những lợi gì?

Bài 2.

Trả lời những câu hỏi sau đây (học thuộc lòng)

- 1 — Cô con gái đi chùa với ai?
- 2 — Cô vẫn tóc thế nào và đội nón kiểu gì?
- 3 — Cô vẫn quần áo gì?
- 4 — Mẹ cô khen cô thế nào?



Tuần 4.- MAY MẶC

HỌC THUỘC LÒNG Hàng nội hóa.

Này tơ lụa chính nơi thổ sản,
 Ta làm ra ta bán cho ta.
 Hàng trơn cho chị hàng hoa,
 Lướt, the, gấm, đoạn, sô, sa, thiếu gì?
 Muốn đặt kiểu, hạng gì chẳng khó:
 Đủ mặt hàng, hoa nhỏ, hoa to.
 Hoa kia ai khéo diêm tô!
 Mà tay ai dệt, ai hồ nên xinh.

Nguyễn can Mộng

GIẢI NGHĨA

Hàng nội hóa: hàng làm ở trong nước mình, như the, lướt, gấm, đoạn, Ka-ki, ba-ga, bông-bay không phải là hàng nội hóa mà là hàng ngoại quốc. mang vào — **Thổ sản**: ở một nơi nào làm ra: tơ lụa, gạo, ngô, cao su -- là thổ sản của nước nhà -- **Hàng trơn, hàng hoa**: cho xem mẫu hàng -- **Hồ**: dùng chất bột bôi vào tơ lụa cho cứng, cho đẹp.

CÂU HỎI

Kể những hàng nội hóa ta dệt được? Hàng trơn là gì? Muốn cho tơ lụa thêm cứng, thêm đẹp, người ta làm gì? Tại sao ta nên dùng hàng nội hóa?

ĂN LẤY CHẮC, MẶC LẤY BỀN.

TẬP ĐỌC.— Trong gió lạnh.

Người đàn bà khoác một cái bị, một tay ôm chặt lấy một đứa trẻ nhỏ và một tay thì dắt một đứa con gái độ bốn năm tuổi. Quần áo có lẽ cũng không được lành lặn cho lắm. Trong đêm mờ, tôi còn nhận thấy những mảnh vải dụn bạc trắng và trên bộ quần áo người thiếu phụ.

Đưa đôi mắt nghi-ngờ nhìn lại phía sau, người đàn bà ấy lắc đầu, chán nản thở dài :

— Con ơi ! Mẹ con ta cố đi xuống dưới phố tìm chỗ nào kín đáo ngủ cho qua đêm nay.

Thạch-Kiên.

GIỌNG ĐIỀU

1 — Năm tuổi, chán nản, chỗ nào, đêm nay — Ôm chặt, tìm chỗ ; bạc trắng, trong đêm, đứa trẻ.

2 — Bất chước : khoác một cái bị, đưa mắt nghi-ngờ nhìn lại phía sau, chán nản thở dài.

GIẢI NGHĨA

Thiếu phụ : Người đàn bà lấy chồng rồi mà còn trẻ tuổi. *Vải dụn* : vải cũ và nhiều lần (cho xem cái áo và dụn). *Nghi-ngờ* : sợ có ai theo sau ; mấy mẹ con người này vừa bị một người đuổi đi không cho nằm ngủ nhờ trên hè nhà mình.

CÂU HỎI

Ba mẹ con nhà này đi đâu ? Quần áo có lành lặn không ? Tại sao người mẹ lại lắc đầu thở dài ? Tình cảnh ba mẹ con người thiếu phụ có đáng thương không ?

CHÍNH TẢ.— Bài trên : Người đàn bà... thiếu phụ.

Chữ khó viết : (ôm) chặt, (bạc) trắng, (đứa) trẻ — Dắt (con),

Câu hỏi : 1 — Giải-nghĩa : đêm mờ, bạc trắng.

2 — Mấy mẹ con người thiếu phụ đi đâu trong đêm khuya, gió lạnh ?

3 — Ban đêm, những người không nhà cửa thường nằm ngủ ở đâu ?

TẬP ĐỌC.— Cô thợ thêu.

Dưới ánh sáng trong phơn phớt của chiếc đèn măng xông phủ rua xanh, Chi mãi miết thêu. Mắt nàng dăm dăm và chớp luộp. Bàn tay dịu-dàng của nàng thoăn thoắt đưa mũi kim lấp lánh trong mảnh nhung trắng mượt trên khung thêu. Mũi kim cuối cùng đã kết xong. Chi cảm động ngắm bức thêu, bức thêu đầu mà nàng cặm cùi làm trong năm hôm mới xong.

Theo Thế-Du.

GIỌNG ĐIỀU

1 — Măng xông, mới xong, rua xanh — Dịu dàng, dưới ánh — Mắt nàng dăm dăm.

2 — Bất chước người thợ thêu : mắt dăm dăm ; tay thoăn thoắt ; cặm cùi làm việc — Ngắm bức thêu.

GIẢI NGHĨA.

Thêu : cho xem một bức thêu — Người ta thêu hoa, lá, cây... trên lụa nhưng với chỉ xanh, đỏ, vàng... *Đèn măng xông* : vẽ hay cho xem một cái đèn măng xông — Đèn thấp bằng hơi ilet-săng, cái « măng xông » cháy sáng rực lên.

CÂU HỎI

Chi đang làm gì ? Mắt nàng nhìn thế nào ? Tay nàng thêu có nhanh không ? Thêu xong, Chi ngắm nghĩa bức thêu ra sao ? Tại sao Chi lại cảm động ? Làm xong được một việc đẹp đẽ, có sướng không ?

CHÍNH TẢ.— Một hiệu kim hoàn.

Trong cái tủ kính, dầy những văng ngọc chói lọi. Ánh đèn điện chiếu vào các mặt nhẫn, các hoa tai bằng kim cương lấp lóe như nẩy lửa. Những chiếc đồng hồ đeo tay những đôi vòng chạm, những dây chuyền nằm chễm chệ trong hộp lót nhung xanh khiến nhiều cô gái đứng chân ngắm nghĩa và mơ màng.

Theo Nguyễn-công-Hoan.

Chữ khó viết : Chói (lọi), chiếu (vào), chiếc (đồng hồ), (dây) chuyền chễm chệ, (đứng) chân — (Ngắm) nghĩa.

Câu hỏi : 1 — Giải-nghĩa : hoa tai, dây chuyền (cho xem)

2 — Kể những đồ nữ trang các em biết.

3 — Tại sao nhiều cô gái mơ màng trước những đồ nữ trang.

NGŨ VỤNG.

Bài 1.— Cách giữ gìn quần áo.

BÀI GIẢNG.

Đi học về, tôi cởi áo **treo** lên **mắc**; tôi **gấp** quần cất vào **tủ**. Lúc chơi đùa, tôi không **giăng** co quần áo, nên quần áo của tôi không **đứt** khuy, **đứt** khuyết và không **nhàu** nát. Tôi không **lê** la nghịch đất, nghịch cát và không đánh **giầy** **mục** vào quần áo. Tôi cố giữ gìn quần áo để cậu mợ tôi khỏi tốn tiền may mặc cho tôi.

TẬP NÓI

Đi học về, em cởi áo treo vào đâu? Gấp quần áo cất vào đâu? Khi chơi đùa, ta có nên giăng co quần áo không? Tại sao? Em có lê la nghịch đất, nghịch cát không? Khi viết em giữ gìn thế nào? Em giữ gìn quần áo để tránh cho cha mẹ khỏi tốn kém thế nào?

Bài 2.— Cách giữ gìn quần áo (tiếp theo).

BÀI GIẢNG

Mùa rét, quần áo len dạ của tôi không thể giặt giũ được; tôi **chải** kỹ cho hết **bụi** và **phơi** **nắng** cho **sạch** **mồ** **hôi**. Hết mùa rét, tôi không mặc nữa, tôi bỏ **băng** **phiến** vào túi quần, túi áo cho **gián** **nhảy** khỏi **căn** và tôi xếp ngăn nắp vào **tủ**. Tôi giữ gìn quần áo như thế, nên bao giờ quần áo của tôi cũng như **mới** và **thơm** **tho**.

TẬP NÓI.

Quần áo len dạ có giặt giũ được không? Nếu không ta phải làm thế nào? Khi cất vào tủ, tại sao ta phải bỏ băng phiến vào quần áo? Giữ gìn quần áo cẩn thận, lợi thế nào?

TẬP LÀM VĂN.

Bài 1.

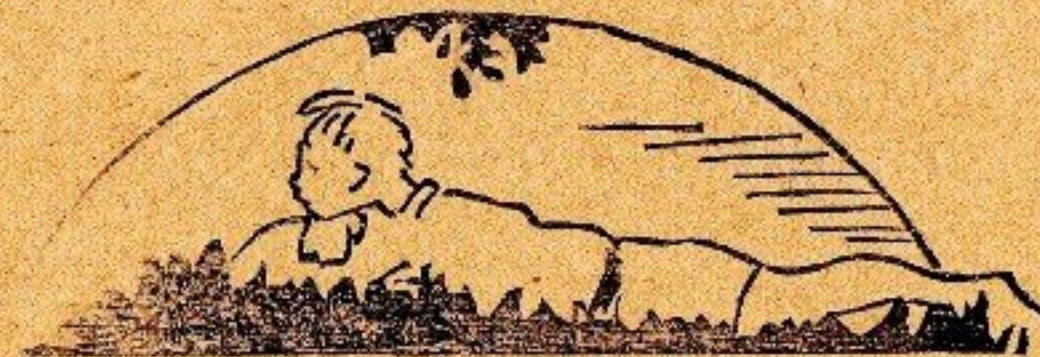
Trả lời những câu hỏi sau đây (ngũ vụng):

- 1.— Tại sao lúc chơi đùa, ta chớ nên giăng co quần áo?
- 2.— Muốn khỏi tốn tiền may quần áo phải giữ gìn thế nào?
- 3.— Quần áo len dạ không giặt được thì phải làm thế nào cho sạch sẽ?
- 4.— Tại sao quần áo có băng phiến thì gián nhảy không cắn?

Bài 2.

Trả lời những câu hỏi sau đây (tập đọc):

- 1.— Ba mẹ con người thiếu phụ đi đâu?
- 2.— Em đoán xem trong bị, người mẹ để những gì?
- 3.— Quần áo ba mẹ con có lạnh lặn không?
- 4.— Tình cảnh ba mẹ con có đáng thương không?
- 5.— Trong những đêm gió lạnh, những người nghèo không nhà thường phải ngủ ở đâu?



GIẢI TRÍ và TẬP NÓI.

1 — Nói lại chuyện « **Thằng Bờm** » dưới đây.

2 — Đọc bài « **Thằng Bờm** » dưới đây với giọng điệu thích hợp.

THẰNG BỜM.

Thằng Bờm có cái quạt mo (giơ quạt mo ra khoe và phe phẩy quạt ra ý thích chí lắm)

Phú ông (đọc ph-ú-ù ông) xin đổi ba bò, chín trâu (nhấn mạnh ba và chín) đầu gặt gù ra giáng dụ dỗ)

(Thản nhiên mà lắc đầu) **Bờm** rằng: **Bờm** chẳng lấy trâu (phe phẩy quạt ra ý thích chí lắm)

Phú ông (như trên) xin đổi một xâu cá mè (nhấn mạnh xâu). (Thản nhiên mà lắc đầu) **Bờm** rằng: **Bờm** chẳng lấy mè (phe phẩy quạt ra ý thích chí lắm)

Phú ông (như trên) xin đổi một bè gỗ lim (nhấn mạnh bè) (Thản nhiên mà lắc đầu) **Bờm** rằng: **Bờm** chẳng lấy lim (phe phẩy quạt ra ý thích chí lắm)

Phú ông (như trên) xin đổi con chim đồi mồi (nhấn mạnh con chim đồi mồi)

(Thản nhiên mà lắc đầu) **Bờm** rằng: **Bờm** chẳng lấy mồi (phe phẩy quạt ra ý thích chí lắm)

Phú ông (như trên) xin đổi năm sồi (nhấn mạnh: năm sồi).

Bờm cười hi... hi... hi... (cười sung sướng, đòi quạt lấy sồi)



MỤC LỤC

Tháng chín: Học đường.

Bài	Tuần 1	Tuần 2	Tuần 3	Tuần 4	Trang
Học thuộc lòng	Khai trường	Nhà trường	Bạn hữu	Thầy trò	20
Tập đọc	Chào cờ	Tan học	Thầy và bạn	Học trò nghèo	21
"	Ngày khai trường	Trường Mỹ lý	Bạn tôi	Anh Phan Tin	22
Chinh tả	Trường tôi hóm	Thăm trường cũ	Người bạn tốt	Lời thầy	23
"	khải giảng	Trường Mỹ lý	Bạn tôi	Anh Phan Tin	24
Ngữ vựng	Ngày khai trường	Đi học	Bạn bè	Yêu Kinh thầy	25
"	Đi học	Đánh bi	Bạn hữu	Bồn phân đối với thầy	26
Tập làm văn	Học trò	Đá cầu	Bồn phân: học tập	Bồn phân đối với	27
"	Thầy giáo	Đánh bi	Bạn hữu	trường và lớp	28
Giải trí và tập nói	Học trò	Đá cầu	Học tập	Đối với thầy	29
	Thầy giáo			Đối với trường và lớp	30

Bài	Tuần 1 Thân thể	Tuần 2 Tuổi tác	Tuần 3 Thể thao	Tuần 4 Bệnh tật
Học thuộc lòng	Tuổi niên thiếu	Mai sau	Nhảy	Phải năng vận động
Tập đọc	Anh Năng	Thằng-Ngọc Anh	Trưởng thể dục	Người đàn bà mù
»	Tuyệt cật cổ	Một ông lão	Thủ vui của hương đạo	Nhà thương làm phúc
Chính tả	Anh Năng	Thằng-Ngọc Anh	Trưởng thể-dục	Người mù
»	Dân chài	Một cô gái quê	Tập thể thao	Cậu bé ốm
Ngữ vựng	Thân thể	Tai	Cử động của chân	Tắm rửa
»	Mắt và tay	Mũi và mồm	Cử động của đầu	Xỉa, đánh răng
Tập làm văn	Thân thể	Tai	Chân	Tắm rửa
»	Mắt và tay	Mũi và mồm	Đầu	Đánh răng
Giải trí và tập nói	Hai tháng ăn trộm với con lừa			

67

Tháng mười: Tết Nguyên Đán

Tháng mười: Tết Nguyên Đán

Bài	Tuần 1		Tuần 2		Tuần 3		Tuần 4	
	Tổ tiên, gió tết		Những người thân		Họ hàng.		Tối tở.	
Học thuộc lòng	Tổ tiên		Lòng mẹ		Họ hàng		Chiều qua thằng nhỏ	
	Ngày giỗ		Bà cháu		Cháu tôi		Người lão bộc	
Tập đọc	Thờ kính tổ tiên.		Mẹ chồng nàng dâu		Cụ Bà		Chị Sen	
	Ngày giỗ		Bà cháu		Cháu tôi		Người lão bộc	
Chính tả	Bàn thờ ngày tết		Mẹ con bác Lê		Di Lan		Thím Kéo	
	Ông bà.		Công on cha mẹ		Anh chị em		Cách xưng hô	
Ngữ vựng	Chăm mẹ.		Đối với mọi người		Họ hàng		Tình cảm	
	Ông bà tôi.		Công on cha mẹ		Họ nội họ ngoại		Xưng hô	
Tập làm văn	Chăm mẹ tôi		Đưa con ngoan		Anh em tôi		Nhỏ nhà	
	Giải trí và Tập nói :		Gà mẹ và gà con					

ĐÍNH - CHÍNH.

Trang	Dòng	Chữ nhẫm	Độc là
7	6	con lớn	coi lớn
15	1	thầy	thầy
19	3		(thiếu) bắt nạt.
19	15		(») cho...giờ
29	25		(») tại sao cha em
31	18		mẹ còn lo gì nữa.
32	12	thừa : lưu.	
36	10	càng sâm si	cùng sâm si
40	19	sinh thì	sinh...thì.
46	10	cùng nhau	cùng dau
52	7	bây giờ	bấy giờ
53	18	bằng hột.	bằng hột ngô.
60	20	Doong ! Doong !	Boong ! Boong !
69	7	thần mỗ	thầu mỗ
69	14	quan nhủ huyện	quan phủ huyện.

Tráng chap: Quân áo

Bài	Tuần 1 Quần áo ta, tây	Tuần 2 Giấy, dép, nón, mũ	Tuần 3 Vải lụa	Tuần 4 May mặc
Học thuộc lòng	Trên đường lầy lội	Đi chùa Hương	Đi chùa Hương	tàng nói hóa
Tập đọc	Cải Tư	Quần áo lính	Đi ăn cưới	Trong gió lạnh
«	Quần áo mới	Ông đồ	Dệt vải	Cò thợ thêu
Chính tả	Cải Tư	Quần áo lính	Đi ăn cưới	Trong gió lạnh
«	Trẻ nhà quê	Quần áo lang	Trang điểm	Hiệu kim hoàn
Ngữ vựng	Các thứ áo	Khăn, mũ, nón, ô	Vải lụa	Cách giữ gìn quần áo
«	Các thứ quần	Giấy, dép, guốc	Giặt giũ	« (tiếp theo)
lập làm văn	Trả lời câu hỏi (Ngữ vựng)	Trả lời câu hỏi	Trả lời câu hỏi	Trả lời câu hỏi
«	« (lập nói)	«	«	«
Giải trí và tập nói	Phẳng bóm			

IN TẠI NHÀ IN NAM-SƠN

72, Hàng Giấy — HÀ NỘI

Nhà tổng Giám-Đốc thông tin cho phép xuất bản ngày
13-4-1950 giấy phép số 161 KD/NTT